



KIỂM TOÁN

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

NĂM THỨ TÁM
Số 40/2019 (378)
THỨ NĂM
NGÀY 03-10-2019

VÌ NỀN TÀI CHÍNH QUỐC GIA
MINH BẠCH, BỀN VỮNG!

Điện thoại: (024) 6282 2100 - Fax: (024) 6282 2191
Email: baokiemtoan@sav.gov.vn - Website: baokiemtoannhanuoc.vn, www.auditnews.vn

Tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng tốt hơn so với dự báo

Ngày 02/10, dưới sự chủ trì của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc, Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9/2019 đã diễn ra tại trụ sở Chính phủ (ảnh bên).

Khai mạc Phiên họp, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc khẳng định, tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng năm 2019 tốt hơn so với dự báo. GDP tăng 6,98% - mức tăng cao nhất trong vòng 9 năm qua. Lạm phát tiếp tục được kiểm soát ở mức thấp, bình quân 9 tháng tăng 2,5% - mức tăng thấp nhất trong 3 năm qua. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 10,3%, đặc biệt khu vực ngoài nhà nước chiếm tỷ trọng 45,3%, tăng 16,9%. Vốn FDI thực hiện cao nhất trong nhiều năm trở lại đây, ước đạt 14,2 tỷ USD, tăng



Ảnh: TTXVN

7,3%. Thu NSNN tăng cao 10,1%, bội chi còn 3,4% GDP, nợ công còn dưới 57% GDP. Xuất khẩu đạt trên 190 tỷ USD, tăng 8,2%. Xuất siêu ở mức kỷ lục, (Xem tiếp trang 3)

Tập trung hoàn thành kế hoạch kiểm toán, đảm bảo chất lượng, hiệu quả công tác



Đây là chỉ đạo của Tổng Kiểm toán Nhà nước Hồ Đức Phớc tại Hội nghị giao ban trực tuyến toàn ngành KTNN tháng 10/2019,

diễn ra chiều 02/10 nhằm đánh giá kết quả thực hiện công tác tháng 9, triển khai kế hoạch công tác (Xem tiếp trang 8)

Tổng Kiểm toán Nhà nước Hồ Đức Phớc tiếp xúc cử tri tại Nghệ An

2

Nâng cao trách nhiệm của KTNN trong kiểm soát chất lượng kiểm toán



3

Chính sách tín dụng trong NN cần linh hoạt để phù hợp với từng đối tượng vay vốn

4

Cần hệ thống đồng bộ các giải pháp cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng

5

Thị trường CK Việt Nam đứng trước cơ hội được nâng hạng lên thị trường mới nổi

12

Hàng loạt sai phạm tại Cơ quan Đăng kiểm xe cơ giới Massachusetts

15

Qua kết quả kiểm toán

Cần tổng hợp đầy đủ để quản lý chặt nợ đọng xây dựng cơ bản



(Xem trang 8)

Chuyện trong tuần

Sớm ban hành khuôn khổ pháp lý về condotel

□ TS. VŨ ĐÌNH ÁNH - Chuyên gia Kinh tế

Chỉ mới ra đời và phát triển trong khoảng 5 năm trở lại đây song condotel đã trở thành phân khúc bùng nổ mạnh mẽ do đáp ứng được nhu cầu của cả chủ đầu tư, nhà đầu tư

và người sử dụng với hàng vạn sản phẩm đã và sẽ đưa vào thị trường.

(Xem tiếp trang 12)

Theo dòng thời sự

□ Mới đây, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đã thay mặt Bộ Chính trị ký ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

□ Ngày 30/9, Đoàn công tác của Chính phủ do Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc làm Trưởng đoàn đã có buổi làm việc với tỉnh Lạng Sơn về tình hình, kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020 đến nay. ■

Nâng mức vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã và người lao động

Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 74/2019/NĐ-CP (Nghị định 74) về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP (Nghị định 61) quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ Quốc gia về việc làm.

Theo đó, mức vay ưu đãi từ Quỹ này đối với DN nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh và người lao động được nâng lên. Cụ thể, trước đây, Nghị định 61 quy định đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, mức vay tối đa là 1 tỷ đồng/1 dự án và không quá 50 triệu đồng cho 1 người lao động được tạo việc làm. Đối với người lao động, mức vay tối đa là 50 triệu đồng.

Theo quy định mới tại Nghị định 74, đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, mức vay tối đa là 2 tỷ đồng/dự án và không quá 100 triệu đồng cho 1 người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm. Đối với người lao động, mức vay tối đa là 100 triệu đồng. Thời hạn vay vốn cũng được tăng từ không quá 60 tháng lên tối đa 120 tháng.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 08/11/2019. ■

THÙY ANH

TIN VĂN

□ Vừa qua, Tổng Kiểm toán Nhà nước Hồ Đức Phớc và Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước Đoàn Xuân Tiên đã dự Lễ Công bố Quyết định của Tổng Kiểm toán Nhà nước về công tác cán bộ tại Trường Đào tạo và Bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm toán.

□ Ngày 03/10, tại tỉnh Cao Bằng, Tổng Kiểm toán Nhà nước Hồ Đức Phớc dự Chương trình “50 năm thực hiện di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chung tay xây dựng Cao Bằng”; Lễ Kỷ niệm 520 năm thành lập tỉnh Cao Bằng (1499-2019).

□ Cùng ngày, tại Nhà Quốc hội, Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước Nguyễn Tuấn Anh tham dự Phiên họp toàn thể lần thứ 15 của Ủy ban Các vấn đề xã hội của Quốc hội để nghe Bộ Y tế giải trình việc thực hiện chính sách, pháp luật về cơ chế tự chủ đối với bệnh viện công lập. ■

LÊ HÒA

Thông báo chuyển trụ sở Báo Kiểm toán

Do yêu cầu công tác, bắt đầu từ ngày 01/10/2019, Báo Kiểm toán chuyển sang trụ sở mới, địa điểm tại 111 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Mọi thông tin trao đổi công tác với Báo Kiểm toán, xin trân trọng đề nghị liên hệ qua số điện thoại (mới): (024) 6282 2100 - Fax: (024)6282 2191 - Email: baokiemtoan@sav.gov.vn

Trân trọng thông báo! ■

Nhân sự mới

Mới đây, Tổng Kiểm toán Nhà nước Hồ Đức Phớc đã ký, ban hành Quyết định số 1646/QĐ-KTNN về việc điều động ông Lê Minh Nam - Phó Kiểm toán trưởng KTNN chuyên ngành VI - đến nhận công tác và bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Trường Đào tạo và Bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm toán. Thời hạn bổ nhiệm là 5 năm, kể từ ngày 01/10/2019. ■

PHƯƠNG LAN

Tổng Kiểm toán Nhà nước Hồ Đức Phớc tiếp xúc cử tri tại Nghệ An

Mới đây, đồng chí Hồ Đức Phớc - Ủy viên T.Ư Đảng, Tổng Kiểm toán Nhà nước - cùng một số đại biểu Quốc hội của tỉnh Nghệ An đã có buổi tiếp xúc cử tri tại các xã: Hưng Xuân, Hưng Lam, huyện Hưng Nguyên và phường Trung Đô, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An (ảnh bên).

Tại đây, đại diện Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Nghệ An đã thông tin cho các cử tri về chương trình, nội dung của Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIV.

Các cử tri đã kiến nghị giải quyết nhiều vấn đề của địa phương và đất nước như: tình trạng dôi dư cán bộ, công chức sau sáp nhập xã, xóm; công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của địa phương; đền bù, giải phóng mặt bằng; việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chế độ, chính sách cho những người nhiễm chất độc màu da cam, người tham gia dân công hỏa tuyến; điều chỉnh lại Luật Quy hoạch, Luật Đất đai cho phù hợp với quá trình phát triển chung; xử lý những vụ án tham nhũng làm thất thoát tài sản của Nhà nước; Dự án Đường sắt Cát Linh - Hà Đông làm thất thoát NSNN; đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh giản bộ máy hoạt động...

Tiếp thu các kiến nghị của cử tri, Tổng Kiểm toán Nhà nước đã trực tiếp giải đáp một số vấn đề thuộc thẩm



quyền. Đặc biệt, liên quan đến Dự án Đường sắt Cát Linh - Hà Đông, Tổng Kiểm toán Nhà nước cho biết, hiện tại, vốn đầu tư cho Dự án này đã vượt 10.000 tỷ đồng, gấp 2 lần so với dự toán ban đầu. Hiện, công trình vẫn chưa được nghiệm thu do chưa đủ dữ liệu về công tác an toàn, kỹ thuật... Nhận thấy đây là vấn đề nghiêm trọng, Quốc hội đang hoàn thiện các hồ sơ để xem xét trách nhiệm của những tổ chức, cá nhân liên quan. Theo Tổng Kiểm toán Nhà nước, với sự chỉ đạo quyết liệt của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng,

mọi thể chế, chính sách về phòng, chống tham nhũng đã và đang được hoàn thiện nhằm chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng, tăng cường tính minh bạch, phát huy vai trò giám sát của người dân.

Bên cạnh đó, Tổng Kiểm toán Nhà nước cũng ghi nhận nhiều kiến nghị khác, đồng thời khẳng định: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh sẽ tiếp tục tổng hợp và phản ánh đến các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan để xem xét, giải quyết kịp thời, đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng của cử tri. ■

T.ĐỨC - MỸ NGA

Hoạt động của Kiểm toán Nhà nước đóng góp quan trọng vào việc hoàn thành các mục tiêu quốc gia

Từ ngày 23 - 28/9, Đại hội Tổ chức quốc tế Các cơ quan Kiểm toán tối cao lần thứ 23 (Đại hội INTOSAI 23) diễn ra tại Thủ đô Matxcova, Liên bang Nga, với sự tham dự của hơn 1.000 đại biểu đại diện cho 168 cơ quan kiểm toán tối cao (SAI) các nước, các hiệp hội nghề nghiệp và các tổ chức quốc tế. Đoàn đại biểu KTNN Việt Nam do Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước Nguyễn Quang Thành dẫn đầu đã tham dự Đại hội.

KTNN Việt Nam tham dự Đại hội INTOSAI 23 với tư cách là Chủ tịch Tổ chức Các cơ quan Kiểm toán tối cao châu Á (ASOSAI) nhiệm kỳ 2018-2021, thể hiện vai trò dẫn dắt và trách nhiệm đối với ASOSAI nói

riêng và cộng đồng kiểm toán thế giới nói chung, góp phần nâng cao vị thế và hình ảnh của KTNN Việt Nam trong cộng đồng kiểm toán công thế giới.

Tại Phiên thảo luận với chủ đề: “Vai trò của các SAI trong việc đạt được mục tiêu và ưu tiên quốc gia”, KTNN Việt Nam đã có bài tham luận tập trung làm rõ 3 đóng góp của KTNN trong việc hoàn thành các mục tiêu trọng tâm quốc gia: hoạt động kiểm toán nhà nước đã góp phần đánh giá tính kinh tế, hiệu quả trong quản lý tài chính các chương trình phát triển kinh tế - xã hội quan trọng của quốc gia; góp phần đánh giá việc thực hiện các chủ trương, chính sách lớn

của Nhà nước trên nhiều lĩnh vực; ngăn chặn kịp thời các sai phạm và gian lận trong quản lý tài chính công, tài sản công.

Tham luận nhấn mạnh, hoạt động của KTNN Việt Nam đã góp phần không nhỏ vào việc hoàn thành các mục tiêu quốc gia, đảm bảo nền tài chính công minh bạch và hiệu quả, tạo môi trường ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là góp phần vào việc duy trì tốc độ phát triển kinh tế của Việt Nam luôn ở mức cao trên 6%/năm đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên trong thời gian qua.

(Xem tiếp trang 7)

Lãnh đạo Kiểm toán Nhà nước tiếp khách quốc tế

Sáng 02/10, tại trụ sở KTNN, Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước Nguyễn Quang Thành đã tiếp xã giao và làm việc với Đoàn công tác của KTNN Lào do Phó Chủ tịch KTNN Lào Bounpone Vanhnachith làm Trưởng đoàn. Cùng dự có lãnh đạo một số đơn vị trực thuộc KTNN.

Đánh giá cao những hoạt động hợp tác hiệu quả, thiết thực giữa 2 cơ quan trong thời gian qua, Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước cho biết: KTNN Việt Nam luôn ủng hộ và đánh giá cao những kết quả đạt được của KTNN Lào với vai trò Chủ tịch Tổ chức Các cơ quan Kiểm toán tối cao Đông Nam Á (ASEANSAI) nhiệm kỳ 2017-2019, đồng thời mong muốn KTNN

Lào ủng hộ KTNN Việt Nam trong vai trò Chủ tịch Tổ chức Các cơ quan Kiểm toán tối cao châu Á (ASOSAI) nhiệm kỳ 2018-2021. Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước đề xuất 2 bên sớm phối hợp xây dựng Kế hoạch hợp tác song phương năm 2020 để có cơ sở triển khai các hoạt động trong thời gian tới, đồng thời tiếp tục ủng hộ lẫn nhau trên các diễn đàn đa phương, đặc biệt trong khuôn khổ ASOSAI, ASEANSAI và diễn đàn hợp tác 3 bên: Campuchia - Lào - Việt Nam.

Cảm ơn sự đón tiếp trọng thị của KTNN, Phó Chủ tịch KTNN Lào Bounpone Vanhnachith cho biết, chuyến thăm lần này của Đoàn là để gặp gỡ, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm

của các chuyên gia về quan điểm, tầm nhìn, định hướng và cơ chế, chính sách lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động kiểm toán nhà nước. Nhân dịp này, ông Bounpone Vanhnachith bày tỏ sự cảm ơn chân thành tới các lãnh đạo KTNN Việt Nam đã luôn ủng hộ, hỗ trợ KTNN Lào trong thời gian qua, đặc biệt trong việc xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng thời hy vọng mối quan hệ hợp tác giữa 2 cơ quan nói riêng và 2 Đảng, Nhà nước nói chung sẽ ngày càng phát triển tốt đẹp.

Trước đó, chiều 01/10, Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước Nguyễn Tuấn Anh đã tiếp xã giao Giám đốc Khu vực (Xem tiếp trang 7)

Nâng cao trách nhiệm của Kiểm toán Nhà nước trong kiểm soát chất lượng kiểm toán

□ N.HỒNG

Công tác kiểm soát chất lượng kiểm toán ngày càng chặt chẽ, hiệu quả

Với vai trò cơ quan do Quốc hội thành lập, hoạt động độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, KTNN luôn xác định việc kiểm tra, giám sát chất lượng kiểm toán là hết sức cần thiết. Đây không chỉ là nhiệm vụ thường xuyên của Ngành mà còn là mục tiêu trọng tâm trong Chiến lược phát triển của KTNN; nhằm đảm bảo cho sự phát triển bền vững của KTNN, đồng thời đáp ứng sự kỳ vọng của xã hội vào hoạt động kiểm toán.

Xuất phát từ yêu cầu đó, trong những năm qua, KTNN đã không ngừng chú trọng hoàn thiện hành lang pháp lý quy định về hoạt động KSCLKT, thông qua việc xây dựng hệ thống các quy định, chính sách trong quản lý, KSCLKT cũng như các đơn vị kiểm soát chuyên trách. KTNN đã ban hành Hệ thống Chuẩn mực KTNN, Quy chế KSCLKT, các quy trình kiểm toán; Quy trình thẩm định xét duyệt kế hoạch kiểm toán, Quy trình thẩm định, xét duyệt và phát hành báo cáo kiểm toán, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giám sát các đoàn kiểm toán. Quy chế KSCLKT kèm theo Quyết định số 558/QĐ-KTNN đã quy định 5 hình thức kiểm soát (trực tiếp, gián tiếp, đột xuất, kiểm soát hồ sơ sau phát hành báo cáo kiểm toán và kiểm soát việc tổ chức KSCLKT của Kiểm toán trưởng).

Theo Th.S Ngô Minh Kiểm - Vụ trưởng Vụ Chế độ và KSCLKT, hệ thống kiểm soát của KTNN hiện nay gồm 5 cấp độ: Tổng KTNN, Kiểm toán trưởng, Trưởng đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Kiểm toán viên. Việc KSCLKT được thực hiện thường xuyên, đồng bộ ở tất cả các giai đoạn của quá trình kiểm toán, từ khâu chuẩn bị kiểm toán, thực hiện kiểm toán, lập báo cáo kiểm toán.

Để kiểm soát chặt chẽ các hoạt động kiểm toán, hạn chế những rủi

Để đưa công tác kiểm soát chất lượng kiểm toán (KSCLKT) đi vào nền nếp, nâng cao chất lượng của công tác này, từ đó góp phần nâng cao chất lượng hoạt động kiểm toán, KTNN đề nghị bổ sung quy định về KSCLKT vào Dự thảo Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KTNN, đảm bảo mọi hoạt động kiểm toán đều được kiểm tra, soát xét về chất lượng.



KTNN luôn xác định việc kiểm tra, giám sát chất lượng kiểm toán là hết sức cần thiết Ảnh: N.BÍCH

ro khách quan cho các đoàn kiểm toán, KTNN đã sử dụng phần mềm nhật ký kiểm toán để ghi chép kết quả, đính kèm biên bản, bằng chứng kiểm toán, nhằm hồ sơ hóa các hoạt động kiểm toán, minh bạch hóa kết quả kiểm toán để lãnh đạo KTNN và bộ phận KSCLKT có thể thực hiện giám sát từ xa, mọi nơi, mọi lúc về tiến độ và kết quả kiểm toán của các kiểm toán viên và quan trọng hơn là xây dựng cơ chế minh bạch kết quả kiểm toán để hạn chế các hiện tượng tiêu cực. Đồng thời, hàng năm, Vụ Chế độ và KSCLKT đã thực hiện thống kê, đánh giá kết quả kiểm toán của từng đoàn, tổ kiểm toán và kiểm toán viên; chấm điểm kết quả kiểm toán các đoàn kiểm toán, nhằm xây dựng cơ chế tự giác trong hoạt động kiểm toán.

Với những giải pháp đồng bộ, công tác KSCLKT ngày càng có hiệu quả, góp phần tích cực nâng cao chất lượng kiểm toán, hạn chế sai sót trong công tác kiểm toán.

Đặc biệt, kết quả kiểm toán của KTNN trong 2 năm gần đây đã có sự chuyên biến, kết quả xử lý tài chính tăng lên rất rõ rệt (năm 2016 là 38.776 tỷ đồng; năm 2017 là 90.907 tỷ đồng; năm 2018 là 89.600 tỷ đồng). Quan trọng hơn, qua hoạt động kiểm toán, KTNN đã kiến nghị sửa đổi nhiều văn bản pháp luật nhằm bịt lỗ hổng về chính sách, tránh thất thoát, lãng phí ngân sách, tài sản nhà nước. Các kết quả kiểm toán được các vụ chức năng kiểm soát và thẩm định tương đối chặt chẽ nên ngày càng đảm bảo có đủ cơ sở pháp lý và bằng chứng kiểm toán, kiến nghị kiểm toán ngày càng có chất lượng và khả thi...

Kiểm soát chất lượng kiểm toán phải là nhiệm vụ bắt buộc

Tuy nhiên, theo ông Ngô Minh Kiểm, do Luật KTNN chưa có quy định về KSCLKT và Hệ thống KSCLKT, cũng như nhiệm vụ của các cấp kiểm soát mới chỉ được

quy định trong Chuẩn mực KTNN nên ít nhiều ảnh hưởng đến hiệu lực của hoạt động KSCLKT. Bên cạnh đó, việc soát xét bằng chứng kiểm toán còn hạn chế nhất định nên vẫn có trường hợp đơn vị được kiểm toán khiếu nại về kết quả kiểm toán, đặc biệt là các hoạt động liên quan đến đối chiếu thuế do không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán.

Vì vậy, để tạo cơ sở pháp lý đưa công tác KSCLKT vào nền nếp, coi việc KSCLKT là nhiệm vụ bắt buộc trong hoạt động kiểm toán của KTNN, nhằm kiểm soát chặt chẽ chất lượng kiểm toán và người thực thi công vụ, từ đó nâng cao chất lượng kiểm toán của KTNN, tại Dự thảo Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KTNN, KTNN đề nghị bổ sung 01 điều: KTNN tổ chức thực hiện KSCLKT nhằm đảm bảo mọi hoạt động kiểm toán đều được kiểm tra, soát xét về chất lượng. KSCLKT được thực hiện thường xuyên, liên tục đối với toàn bộ

hoạt động kiểm toán của KTNN. Tổng Kiểm toán Nhà nước quy định cụ thể về tổ chức thực hiện KSCLKT.

Tại các phiên họp thảo luận, cho ý kiến vào Dự thảo Luật, đa số ý kiến trong cơ quan thẩm tra và các thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội đồng tình việc bổ sung quy định trên là hết sức cần thiết, nhằm siết chặt hơn nữa công tác KSCLKT, nâng cao chất lượng báo cáo kiểm toán và chất lượng kết luận, kiến nghị kiểm toán. Theo một số đại biểu, thời gian qua, kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán chưa đạt yêu cầu đề ra. Điều này xuất phát từ một số nguyên nhân chủ quan cũng như khách quan, trong đó có việc kết luận, kiến nghị kiểm toán chưa tạo được sự đồng thuận của đơn vị được kiểm toán. Vì vậy, việc bổ sung quy định về KSCLKT sẽ góp phần tăng tính thuyết phục của bằng chứng kiểm toán, nâng cao hiệu lực của kết luận, kiến nghị kiểm toán.

Cũng có một số ý kiến cho rằng, KTNN vừa ban hành quy định về tổ chức, hoạt động kiểm soát vừa thực hiện nhiệm vụ kiểm soát chất lượng chỉ là việc trong nội bộ kiểm toán, vì vậy, đề nghị quy định giao cho một cơ quan của Quốc hội hoặc sử dụng một cơ quan kiểm toán độc lập để kiểm toán hoạt động và kiểm soát đánh giá chất lượng các báo cáo, kết luận của cơ quan KTNN. Tuy nhiên, qua thảo luận tại các phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội vừa qua, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khẳng định, Dự thảo Luật không quy định ai giám sát hoạt động kiểm toán của KTNN, vì Hiến pháp và Luật hiện hành đã quy định việc giám sát hoạt động của KTNN là thẩm quyền của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tổng Kiểm toán Nhà nước có trách nhiệm báo cáo kết quả kiểm toán, báo cáo công tác của KTNN trước Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; báo cáo giải trình, cung cấp tài liệu theo yêu cầu của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội... nên đã đảm bảo đủ căn cứ để thực hiện việc giám sát đối với hoạt động của KTNN và tổ chức báo cáo, giải trình đối với báo cáo kiểm toán khi cần thiết. ■

gần 6 tỷ USD. Ngành chế biến, chế tạo tăng 11,37%, tiếp tục là động lực tăng trưởng chủ yếu của nền kinh tế trong quý III. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 11,6%. Số lượng DN thành lập mới đạt kỷ lục với 102.000 DN, tăng 5,9% về số DN và tăng 34% về số vốn đăng ký. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại tiếp tục có nhiều chuyển biến và đạt kết quả quan trọng.

Thủ tướng cho rằng, với kết quả trên, dự kiến năm 2019 sẽ hoàn thành toàn diện và vượt mức các mục tiêu kế hoạch đề ra, đây sẽ là năm thứ 2 liên tiếp đạt và vượt toàn bộ 12 chỉ tiêu chủ yếu. Điều đáng nói, tăng trưởng không chỉ về số lượng mà chất lượng

Tình hình kinh tế - xã hội... (Tiếp theo trang 1)

được cải thiện rõ nét. Tăng trưởng vượt mục tiêu đề ra trong khi vẫn duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát tốt lạm phát, các cân đối lớn của nền kinh tế được cải thiện.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng thấp, tiềm ẩn các yếu tố rủi ro và có nhiều biến động, các tổ chức quốc tế uy tín nhận định Việt Nam tiếp tục là điểm sáng của kinh tế khu vực và toàn cầu, với mức tăng trưởng GDP năm 2019 từ 6,8 - 6,9%.

Theo Thủ tướng, các kết quả tích cực nêu trên đã khẳng định những nỗ lực vượt

qua khó khăn, thách thức của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, cộng đồng DN và nhân dân cả nước. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn. Giải ngân vốn đầu tư công còn chậm, mới đạt 45,17% kế hoạch được Quốc hội thông qua. Ngành nông nghiệp đang gặp rất nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh. Sản xuất, kinh doanh một số lĩnh vực gặp khó khăn, nhất là DN nhỏ và vừa. Vốn FDI đăng ký mới và tăng thêm giảm. Một số dự án công nghiệp, giao thông trọng điểm tiếp tục

chậm tiến độ, chưa xác định thời gian hoàn thành. Nhiều mặt hàng chủ lực giảm... Ngoài ra, dịch bệnh và nhiều vấn đề về văn hóa - xã hội, an ninh, trật tự cũng cần được quan tâm, giải quyết kịp thời.

Bên cạnh việc thảo luận tình hình kinh tế - xã hội, Chính phủ còn nghe và thảo luận về các nội dung: bố trí vốn chuẩn bị đầu tư trong kế hoạch năm 2019; Dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về thúc đẩy giải ngân; tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019 và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2020; công tác chuẩn bị Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIV và một số nội dung quan trọng khác. ■

XUÂN HỒNG

Rào cản lớn nhất là vấn đề thủ tục

Hiện nay, nhiều chính sách nhằm tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng cho nông dân, hỗ trợ các hộ gia đình nông thôn cải thiện đời sống và giảm thiểu tính tổn thương đã được Chính phủ ban hành. Cụ thể như: Nghị định số 210/2013/NĐ-CP về chính sách khuyến khích DN đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 55/2015/NĐ-CP về chính sách tín dụng phát triển nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP về cơ chế khuyến khích DN đầu tư vào nông nghiệp... Bên cạnh đó, nhiều chương trình tín dụng nông thôn đã có thêm hợp phần tín dụng ưu đãi để thúc đẩy tăng trưởng hoạt động kinh doanh của các DN, xóa đói giảm nghèo, cải thiện giáo dục, tạo việc làm và bảo vệ môi trường cho khu vực nông thôn.

Theo nghiên cứu về đặc điểm kinh tế nông nghiệp Việt Nam của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế T.Ư (CIEM), nước ta hiện có ba nguồn chính thức cấp tín dụng cho nông nghiệp là: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (VBSP), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) và Quỹ tín dụng nhân dân. Trong đó, Agribank hoạt động trên cơ sở thương mại, còn VBSP hoạt động giống một tổ chức tài chính vi

Chính sách tín dụng trong nông nghiệp cần linh hoạt để phù hợp với từng đối tượng vay vốn

□ NGUYỄN LY

Thời gian qua, chính sách tín dụng cho nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần với mục đích tạo điều kiện cho người tham gia sản xuất dễ dàng tiếp cận nguồn vốn và tín dụng ưu đãi. Tuy nhiên, do sản xuất nông nghiệp ẩn chứa nhiều rủi ro khách quan nên các tổ chức tín dụng, đặc biệt là những ngân hàng thương mại, thường ngần ngại khi cấp tín dụng cho các hộ nông dân và DN nông nghiệp.

mô và được coi như một công cụ chính sách xã hội chính trong việc tiếp cận đến những người nghèo ở nông thôn.

Về cách thức tiếp cận vốn, hiện nay, hộ nông dân đang tiếp cận với nguồn vốn tín dụng chính thức thông qua hình thức trực tiếp và gián tiếp. Theo hình thức trực tiếp, người dân có thể vay vốn từ các tổ chức tín dụng khi họ đáp ứng đầy đủ thủ tục và yêu cầu của từng tổ chức. Đối với trường hợp này, người vay chủ yếu là các hộ sản xuất kinh doanh, DN với quy mô lớn thuộc nhóm khá. Theo hình thức gián tiếp, người dân vay vốn thông qua các tổ chức đoàn thể xã hội như: Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh và Đoàn thanh niên. Đối tượng vay vốn trong trường hợp này thường là các hộ thuộc diện chính sách, các đối tượng được ưu tiên, các hộ nghèo và

không có tài sản để thế chấp.

Phát biểu tại Hội thảo “Vai trò của các tổ chức tài chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong thúc đẩy phát triển tài chính toàn diện”, TS. Nguyễn Đình Hoàn - Học viện Tài chính - đánh giá, mặc dù Chính phủ đã rất nỗ lực tạo điều kiện cho nông hộ tiếp cận nguồn tín dụng chính thức nhưng thực tế, việc tiếp cận tín dụng chính thức trong nông nghiệp gặp nhiều cản trở. Thực tế cho thấy, nguồn vốn tín dụng cho nông nghiệp luôn dồi dào nhưng khi triển khai cụ thể, người tham gia sản xuất nông nghiệp lại gặp nhiều vấn đề bất cập như: thủ tục và điều kiện vay vốn khó khăn nên khó tiếp cận với các nguồn vốn tín dụng chính thức; thời gian vay chưa phù hợp với chu kỳ sản xuất; cho vay với yêu cầu có tài sản đảm bảo trong khi nhiều trường hợp không có giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, tài sản trên đất thì không được coi là tài sản đảm bảo; tín dụng nông nghiệp qua hệ thống ngân hàng thương mại còn hạn chế, lãi suất cao và cơ cấu vốn vay cho nông nghiệp thấp...

Báo cáo điều tra tiếp cận nguồn lực hộ gia đình nông thôn Việt Nam chỉ rõ, những thách thức cản trở hộ nông dân tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính thức gồm: thủ tục phức tạp, thời gian xét duyệt lâu, không có tài sản thế chấp, phải mất chi phí, mức cho vay thấp, thời gian vay không linh hoạt. Trong đó, yếu tố thủ tục phức tạp là rào cản lớn nhất, chiếm 57,4%.

Để doanh nghiệp và nông dân dễ dàng tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính thức?

Nêu ý kiến tại Hội thảo, TS. Nguyễn Đình Hoàn cho rằng, để DN và nông dân tham gia sản

xuất nông nghiệp có thể dễ dàng tiếp cận được với nguồn vốn tín dụng, các tổ chức tín dụng chính thức cần cải tiến thủ tục cho vay theo hướng đơn giản, gọn nhẹ, phù hợp với trình độ người dân. Bên cạnh việc có cơ chế lãi suất hợp lý, mềm dẻo, phù hợp với từng đối tượng vay, các tổ chức tín dụng cũng phải tăng quy mô vốn vay trung và dài hạn đối với các hộ hoạt động hiệu quả.

Cơ chế cho vay cần được thực hiện linh hoạt, xem xét cho vay trên cơ sở có đảm bảo và không có đảm bảo bằng tài sản đúng theo quy định. Một mặt, Chính phủ cần chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường, các địa phương đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất; mặt khác, Chính phủ cũng phải xây dựng cơ chế cho vay nhằm khuyến khích, thúc đẩy tổ chức sản xuất nông nghiệp theo mô hình liên kết, ứng dụng công nghệ cao thông qua việc quy định các tổ chức đầu mối (DN, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã). Đồng thời, có cơ chế định giá tài

Theo quy định của Thông tư số 41/2016/TT-NHNN (Thông tư 41), kể từ ngày 01/01/2020, tất cả các ngân hàng thương mại (NHTM) sẽ phải chính thức áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo Chuẩn Basel II (tiêu chuẩn về vốn để hạn chế rủi ro kinh doanh của các ngân hàng và tăng cường hệ thống tài chính). Lộ trình này đòi hỏi sự nỗ lực của các ngân hàng, với không ít khó khăn, thách thức đặt ra.

Nhiều ngân hàng nỗ lực tăng vốn tự có

Theo các chuyên gia tài chính - ngân hàng, triển khai Basel II giúp các ngân hàng hoạt động an toàn và lành mạnh hơn thông qua việc áp dụng các tiêu chuẩn toàn cầu. Việc triển khai Basel II cũng giúp ngân hàng nâng cao uy tín và có cơ hội được cơ quan điều hành tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc tăng trưởng tín dụng cũng như mở rộng mạng lưới. Chính vì vậy, không chỉ với 10 ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) lựa chọn thí điểm triển khai, mà hầu hết các ngân hàng đều đang nỗ lực để có thể tiệm cận được tiêu chuẩn của Basel II.

Đến nay, đã có 17 NHTM đăng ký áp dụng Thông tư 41 trước thời hạn, trong đó có 11 NHTM cổ phần và mới đây nhất là Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam đã được NHNN ban hành quyết định cho phép áp dụng Basel II trước thời hạn. Để đáp ứng tiêu chuẩn Basel II, các ngân hàng phải thực hiện 3 trụ cột: yêu

Ngân hàng và những thách thức trong áp dụng Basel II

□ Đ. KHOA



Các ngân hàng gặp không ít khó khăn, thách thức khi áp dụng Chuẩn Basel II

Ảnh: TTXVN

cầu hệ số an toàn vốn tối thiểu (CAR) ở mức 8%, đánh giá của cơ quan giám sát, nguyên tắc thị trường.

Thời gian qua, các ngân hàng đã nỗ lực để nâng cao năng lực tài chính, tăng

vốn tự có như: phát hành chứng chỉ tiền gửi kỳ hạn dài để tăng vốn cấp 2, không chia cổ tức để bổ sung vốn tự có, tăng vốn điều lệ theo hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu, hay phát hành thêm cổ phiếu cho

cổ đông hiện hữu. Bên cạnh đó, việc kêu gọi thành công vốn từ nhà đầu tư nước ngoài cũng giúp đẩy nhanh quá trình tiến đến Basel II. Điển hình như Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - 1 trong số 10 ngân hàng được NHNN lựa chọn thí điểm, để đáp ứng yêu cầu tăng vốn, mới đây, ngân hàng này đã hoàn tất việc bán 15% vốn cho nhà đầu tư nước ngoài là KEB Hana Bank với giá 882 triệu USD. Dự kiến, BIDV sẽ hoàn tất quá trình tăng vốn và có thể áp dụng Basel II ngay trong năm nay.

Ngoài ra, một số ngân hàng chọn phương án cơ cấu lại danh mục tài sản. Thay vì cho vay các danh mục rủi ro cao như bất động sản, các ngân hàng định hướng cho vay với các danh mục rủi ro thấp, sử dụng hiệu quả biện pháp giảm thiểu rủi ro như quản lý tài sản đảm bảo. Vì thế, một số ngân hàng có thể không có động thái tăng vốn, nhưng cơ cấu lại danh mục tài sản, quản lý tài sản đảm bảo thì được ghi nhận giảm thiểu rủi ro, giảm nhu cầu về vốn với danh mục tài sản đó.

Khó hoàn thành lộ trình đúng thời hạn

Tuy nhiên, theo phân tích của các chuyên gia, chỉ tiêu hệ số CAR yêu cầu ở mức 8% vẫn là một trong những trở ngại lớn khi triển khai Basel II đối với các ngân hàng Việt. Bởi việc triển khai chuẩn mực vốn Basel II đòi hỏi nguồn tài chính lớn, trong khi nhiều ngân hàng Việt Nam quy mô còn nhỏ. Bên cạnh đó, cơ sở dữ liệu, hệ thống công nghệ thông

sản khi vay vốn và cho phép DN được sử dụng tài sản hình thành trên đất để thế chấp vay vốn tín dụng.

Các tổ chức tín dụng nên có quy định về thời gian vay linh hoạt sao cho phù hợp với chu kỳ sản xuất. Hiện nay, hầu hết các khoản tín dụng nông nghiệp thường chỉ là những khoản vay ngắn hạn (dưới 12 tháng), trong khi mỗi cây trồng, vật nuôi có một chu kỳ sinh trưởng khác nhau, có cây ngắn ngày, có cây trồng lâu năm, nuôi lợn thịt có thể vài tháng xuất chuồng nhưng lợn nái phải mất 1,5 năm hay nuôi bò thịt phải mất 3 năm... Vì vậy, các tổ chức tín dụng cần áp dụng kỳ hạn vay khác nhau với từng dự án và sản phẩm đặc thù khác nhau.

Nhiều chuyên gia tại Hội thảo cũng cho rằng, Nhà nước cần có các chính sách xử lý thiệt hại, hỗ trợ đối với những rủi ro khách quan, bất khả kháng cho nông dân, DN nông nghiệp và các tổ chức tín dụng. Theo đó, khi xây dựng cơ chế hỗ trợ vốn cho nông nghiệp, Chính phủ cần quan tâm đến việc giảm thiểu rủi ro và chi phí cho các ngân hàng, trường hợp cần thiết có thể hỗ trợ từ nguồn NSNN. Chính phủ có thể khuyến khích các tổ chức tín dụng đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn thông qua quy định về trích lập dự phòng rủi ro, hỗ trợ nguồn vốn và các công cụ điều hành chính sách tiền tệ khác; khuyến khích người sản xuất nông nghiệp có vay vốn, tham gia mua bảo hiểm trong nông nghiệp.

Đặc biệt, các địa phương cần hóa giải thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất, ghi nhận công trình trên đất như: nhà kính, chuồng trại chăn nuôi theo cấp hạng phù hợp trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp, đàn lợn, trâu, bò, gà, vịt... Chính sách tín dụng nên tích hợp với các chính sách khác như chính sách bảo hiểm, bằng cách coi giá trị bảo hiểm là tài sản thế chấp để có thể vay vốn ngân hàng; chính sách đất đai thông qua vốn hóa đất, nhất là khu vực đất nông nghiệp cần được xác định theo giá thị trường để làm căn cứ cho vay, thay vì chỉ xác định cho vay không quá 70% giá trị tài sản bảo đảm tiền vay là giá trị đất theo khung giá đất nông nghiệp.■

tin, quản trị của các ngân hàng Việt còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu.

Theo Chuyên gia tài chính ngân hàng Nguyễn Trí Hiếu, cách tính tài sản rủi ro theo Thông tư 41, ngoài rủi ro tín dụng, ngân hàng phải tính cả tài sản có rủi ro về thị trường, rủi ro hoạt động. Dựa trên tỷ lệ vốn chủ sở hữu/tổng tài sản có rủi ro thì mẫu số có rủi ro sẽ được làm "phình" ra vì phải cộng thêm các loại tài sản có rủi ro như trên. Do đó, khi triển khai Thông tư 41, tỷ lệ an toàn vốn của các ngân hàng phải tăng, tức là vốn tự có, vốn chủ sở hữu phải tăng lên để bảo đảm trong tương lai ngân hàng đạt được tỷ lệ an toàn vốn 8%. Bên cạnh đó, ngân hàng phải có một dữ liệu về tất cả những loại tài sản rủi ro của mình từ nhiều năm. Đó là vấn đề các ngân hàng Việt gặp nhiều khó khăn, bởi có những ngân hàng không lưu trữ những dữ liệu một cách thống nhất từ nhiều năm nay.

Mặt khác, thời gian từ nay đến ngày 01/01/2020 không còn nhiều, trong khi thực tế hiện nay một số ngân hàng vẫn đang trong diện kiểm soát đặc biệt, một số ngân hàng đang gặp khó khăn về tài chính thì việc thực hiện Thông tư 41 đúng thời hạn được các chuyên gia đánh giá là khó khả thi.

Đại diện NHNN cho biết, việc triển khai chuẩn mực vốn Basel II sẽ tiếp tục được tập trung thực hiện để đáp ứng các thông lệ quốc tế về an toàn vốn. Trước nguy cơ một số ngân hàng khó hoàn thành lộ trình áp dụng tiêu chuẩn Basel II vào đầu năm 2020, khi sửa đổi Thông tư số 36/2014/TT-NHNN, NHNN dự kiến bổ sung một số điều khoản cho phép các ngân hàng có thêm thời gian thực hiện Thông tư 41. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là giãn hay hoãn việc thực hiện Thông tư 41 mà sẽ có những điều khoản chặt chẽ hơn, đưa vào yêu cầu quy định về hệ số rủi ro cao hơn; đồng thời, thanh tra giám sát sẽ chặt chẽ hơn đối với các ngân hàng này.■

Cần hệ thống đồng bộ các giải pháp cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng

□ TS. NGUYỄN ĐÌNH CUNG - Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương

Cơ cấu kinh tế vẫn kém năng động, chưa có sự thay đổi đáng kể

Việc cơ cấu lại nền kinh tế trong thời gian qua đã bước đầu mang lại kết quả tích cực. Kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, sức chống chịu của nền kinh tế có cải thiện nhất định. Mục tiêu, chỉ tiêu về cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng dự kiến sẽ đạt được về cơ bản.

Chúng ta cũng đã đạt được sự cải thiện, thay đổi nhất định về cách thức và chất lượng tăng trưởng, không còn sử dụng khai khoáng như một công cụ điều hành nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Tăng trưởng chủ yếu dựa vào cải cách và thúc đẩy sản xuất kinh doanh thay vì nhờ vào mở rộng tín dụng và các gói kích thích kinh tế như giai đoạn 2006-2010. Hiệu quả đầu tư cũng có sự cải thiện nhất định, năng suất lao động xã hội tăng đáng kể. Cơ cấu nền kinh tế có sự chuyển dịch từng bước từ khu vực phi chính thức sang chính thức, nhất là chuyển dịch lao động; khu vực kinh tế nhà nước, đặc biệt là DNNN giảm mạnh; khu vực kinh tế tư nhân có khởi sắc hơn. Một số tập đoàn kinh tế tư nhân chuyển dần sang kinh doanh đa ngành, lấy công nghiệp, công nghệ và phát triển dịch vụ chất lượng cao làm trọng tâm.

Tuy nhiên, xét trong dài hạn và chất lượng của sự chuyển đổi thì còn không ít vấn đề đáng quan ngại. Bởi nguồn thu ngân sách chưa bền vững, thu và chi ngân sách đều đã ở mức khá cao. Hơn nữa, cơ cấu chi ngân sách có phần mất cân đối, chi thường xuyên vẫn tiếp tục tăng nhanh hơn chi đầu tư làm hạn chế khả năng đầu tư phát triển hạ tầng của quốc gia. Bên cạnh đó, tỷ trọng M2 cùng với tổng tín dụng/GDP tiếp tục tăng nhanh và đã ở mức khá cao, vốn cho nền kinh tế vẫn tiếp tục dựa chủ yếu vào tín dụng ngân hàng trong khi các tổ chức tín dụng vẫn đang trong quá trình cơ cấu lại và nhìn tổng thể vẫn còn yếu, chưa vận hành được bình thường theo nguyên tắc thị trường. Độ mở của nền kinh tế đã gia tăng hết sức nhanh chóng và đã ở mức rất cao. Trong nước, nền kinh tế ngày càng phụ thuộc nhiều hơn vào đầu tư nước ngoài (FDI). Đây là những chỉ dấu khá rõ thể hiện nền kinh tế đang ngày càng trở nên dễ bị tổn thương trước các biến động bất lợi từ bên ngoài; dự địa chính sách eo hẹp và sức chống chịu của nền kinh tế còn rất yếu.

Nhìn tổng thể, cơ cấu kinh tế vẫn kém năng động, không có sự thay đổi đáng kể về cơ cấu ngành kinh tế, cơ cấu sản phẩm xuất khẩu, nhập khẩu, cơ cấu thị trường xuất khẩu; chưa có ngành nghề mới, sản phẩm mới nổi lên và có đóng góp nhận thấy được, đo lường được đối với tăng trưởng kinh tế. Việc phân bổ lại nguồn lực cũng



Để chuyển đổi thành công mô hình tăng trưởng, Việt Nam cần thực hiện đồng bộ các giải pháp
Ảnh: TTXVN

Quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng giai đoạn 2016-2020 đã và đang được thực hiện một cách tích cực và thực chất hơn. Tuy nhiên, xét trong dài hạn, sự chuyển đổi này vẫn còn không ít vấn đề quan ngại...■

chưa có sự dịch chuyển đáng kể, nhất là đầu tư trong các ngành kinh tế.

Cơ cấu thành phần kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng kém lành mạnh, kém cân bằng và dễ bị tổn thương hơn. Khu vực kinh tế tư nhân trong nước còn quá nhỏ. Khu vực kinh tế nhà nước suy giảm mạnh, đóng góp cho nền kinh tế tiếp tục giảm sút so với nguồn lực nắm giữ. Khu vực FDI tiếp tục mở rộng với tốc độ nhanh, chiếm 1/5 GDP và 1/4 tổng đầu tư xã hội, 70% kim ngạch xuất khẩu và toàn bộ thặng dư thương mại. Như vậy, cơ cấu kinh tế bị chia cắt giữa chính thức, phi chính thức; chia cắt theo thành phần kinh tế; chia cắt giữa hướng nội và hướng ngoại; sự kết nối, gắn kết, tương tác lẫn nhau giữa các loại hình DN là không đáng kể, không có sự hỗ trợ, bổ sung cho nhau để tạo thành một nền kinh tế thống nhất.

Mô hình tăng trưởng của nền kinh tế về cơ bản chưa thay đổi, tăng trưởng vẫn chủ yếu dựa vào gia tăng vốn đầu tư, sử dụng lao động chi phí thấp và hoạt động kinh tế thâm dụng lao động, ở mức nhất định vẫn dựa vào xuất khẩu và dựa vào FDI ngày càng tăng. Trong khi đó, nhân tố cho một cách thức tăng trưởng mới chưa xuất hiện.

Khắc phục sự mất cân bằng, thiếu kết nối của nền kinh tế

Để cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi thành công mô hình tăng trưởng, chắc chắn cần phải hệ thống đồng bộ các giải pháp từ tổng thể đối với toàn nền kinh tế đến giải pháp đối với từng ngành, lĩnh vực và vùng, địa phương. Theo tôi, để khắc phục các mất cân bằng của nền kinh tế, cần phải thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, khắc phục tình trạng nền kinh tế đang ngày càng dựa nhiều, thậm chí quá mức vào khu vực FDI ở cả cấp độ địa phương, ngành và toàn nền kinh tế. Khắc phục điểm mất cân

bằng này không có nghĩa là hạn chế, kìm hãm đầu tư FDI mà là làm cho khu vực kinh tế tư nhân trong nước phát triển với tốc độ nhanh hơn và đồng đều hơn so với hiện nay. Đồng thời làm cho DNNN trở nên tự chủ hơn, năng động theo quy luật thị trường và tiếp tục đầu tư phát triển nhiều hơn, sử dụng nguồn lực hiệu quả hơn, cạnh tranh được trên thị trường quốc tế và đóng góp tương xứng với nguồn lực đang sử dụng đối với phát triển kinh tế quốc gia.

Thứ hai, khắc phục sự chia cắt, cát cứ, thiếu kết nối, thiếu bổ sung hợp lý giữa các thành phần kinh tế và làm cho khu vực kinh tế trong nước hướng ngoại nhiều hơn, mở rộng kinh doanh toàn cầu... Điểm yếu này phải được khắc phục đồng thời với quá trình giải quyết mất cân bằng thứ nhất nêu trên.

Thứ ba, làm cho cơ cấu kinh tế nói riêng và nền kinh tế trở nên năng động hơn, trọng tâm là đảm bảo thực thi trên thực tế các quyền cơ bản của nhà đầu tư kinh doanh: được quyết định sản xuất cái gì, sản xuất ở đâu, sản xuất bao nhiêu và sản xuất như thế nào. Các quyền đó được thực thi trong điều kiện cung và cầu thị trường không bị méo mó, biến dạng và sai lệch.

Để có được một nền kinh tế luôn năng động trong trạng thái động, không thể thiếu vai trò dẫn dắt, thúc đẩy của Nhà nước. Đó chính là vai trò nhà nước kiến tạo, tạo cơ hội và điều kiện để các ngành, nghề mới, sản phẩm mới, công nghệ mới, quy trình mới, cách làm mới, mô hình kinh doanh mới... xuất hiện và phát triển. Về cơ cấu vùng kinh tế, phải tạo ra được các vùng động lực tăng trưởng. Điều này có nghĩa là phải để cho các vùng kinh tế động lực huy động được đủ nguồn lực, khai thác hết lợi thế, có tốc độ tăng trưởng cao hơn nhiều so với các phần còn lại của đất nước.■

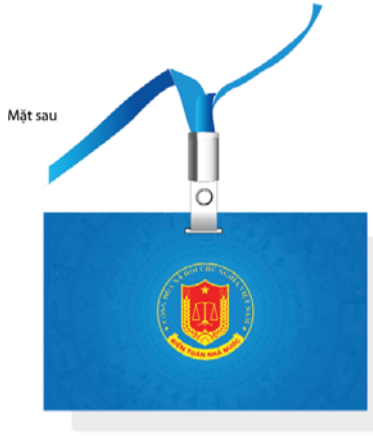
QUỲNH ANH (ghi)

Từ ngày 01/10, Bộ nhận diện KTNN theo Logo mới đã chính thức được áp dụng thống nhất trong toàn Ngành. Logo KTNN mới được hình thành từ việc kết hợp chặt chẽ giữa “dấu hiệu đặc trưng” với “kiểu chữ đặc trưng” và được thiết kế trên các

Một số hình ảnh về Bộ nhận diện Kiểm toán Nhà nước theo Logo mới



Thẻ cán bộ nhân viên



Backdrop, Banner ngang dọc



Tiêu đề thư 4 màu



Foder tài liệu



Hệ thống phong bì cơ quan

nền màu, chất liệu khác nhau. Logo thể hiện trên danh thiếp, hệ thống phong bì, tiêu đề thư cá nhân, folder trình ký bằng da, folder tài liệu, thẻ cán bộ nhân viên, phong hội nghị, hội thảo... Báo Kiểm toán xin giới thiệu một số hình ảnh về Bộ nhận diện KTNN theo Logo mới. ■

Vài nét về kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán

Theo báo cáo của KTNN, tính đến nay, KTNN đã kiến nghị xử lý tài chính hơn 413.000 tỷ đồng; kiến nghị sửa đổi, thay thế hơn 1.200 văn bản pháp luật nhằm hạn chế lỗ hổng về chính sách và cơ chế quản lý. Mặc dù tổng số kiến nghị lớn nhưng tính hiệu lực từ các kết luận, kiến nghị kiểm toán lại chưa được như kỳ vọng, điều này thể hiện khá rõ qua tỷ lệ thực hiện kiến nghị của từng giai đoạn:

Giai đoạn 1994-1999, KTNN mới thành lập và bắt đầu thực hiện kiểm toán nhưng quy trình kiểm toán vẫn chưa được ban hành. Tỷ lệ thực hiện kiến nghị kiểm toán của các đơn vị được kiểm toán giai đoạn này chỉ đạt 27,7%.

Giai đoạn 2000-2015, quy trình kiểm toán đã được KTNN ban hành và có hiệu lực, trong đó, việc kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán tại các đơn vị được kiểm toán đã thành bắt buộc trong mỗi cuộc kiểm toán. Tuy nhiên, công tác theo dõi, tổng hợp việc thực hiện các kết luận, kiến nghị kiểm toán của KTNN vẫn còn chưa thực sự đầy đủ, tỷ lệ thực hiện chỉ đạt 63% trên tổng số kiến nghị.

Từ năm 2016 đến nay, Luật KTNN (sửa đổi) đã có hiệu lực và KTNN cũng ban hành Hệ thống Chuẩn mực kiểm toán, trong đó có quy định cụ thể về việc theo dõi, kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của KTNN. Giai đoạn này, việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của các đơn vị ngày càng được nâng cao. Cụ thể: năm 2016, tỷ lệ thực hiện kiến nghị là 75,6%; năm 2017 đạt 78,2% và năm 2018 đạt 73,2% trên tổng số kiến nghị đủ bằng chứng thực hiện.

Mặc dù việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán đã từng bước được cải thiện nhưng theo đánh giá của KTNN, kết quả đạt được vẫn chưa tương xứng so với yêu cầu đặt ra do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Về phía KTNN, bên cạnh những nguyên nhân do hạn chế về chất lượng kiểm toán, còn do các đơn vị KTNN chuyên ngành và khu vực chưa chỉ đạo quyết liệt đối với công tác kiểm tra tình hình thực hiện kết luận, kiến

Hoạt động kiểm toán chỉ thực sự có ý nghĩa khi các kết luận, kiến nghị được khai thác, sử dụng hiệu quả

□ NINH TRẦN NAM và ĐỖ HỒNG THÚY - KTNN khu vực VII

Trong những năm qua, công tác kiểm toán mới chỉ tập trung nhiều ở khâu phát hiện và kiến nghị, còn việc triển khai thực hiện kết luận, kiến nghị tại các đơn vị được kiểm toán tuy đã từng bước được nâng lên nhưng vẫn chưa đạt được như kỳ vọng. Điều này đã ảnh hưởng tiêu cực đến tính hiệu lực và hiệu quả trong công tác kiểm toán của KTNN.

Từ năm 2016 đến nay, Luật KTNN (sửa đổi) đã có hiệu lực và KTNN cũng ban hành Hệ thống Chuẩn mực kiểm toán, trong đó có quy định cụ thể về việc theo dõi, kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của KTNN. Giai đoạn này, việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của các đơn vị ngày càng được nâng cao. Cụ thể: năm 2016, tỷ lệ thực hiện kiến nghị là 75,6%; năm 2017 đạt 78,2% và năm 2018 đạt 73,2% trên tổng số kiến nghị đủ bằng chứng thực hiện. ■

ngợi; chưa phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan chức năng trong việc đôn đốc và theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán.

Về khách quan, ý thức của một số đơn vị trong việc thực hiện kết luận, kiến nghị của KTNN còn chưa cao, trong khi pháp luật còn thiếu những quy định cụ thể về chế tài xử lý trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân không thực hiện kết luận, kiến nghị của KTNN. Nhiều đơn vị được kiểm toán còn lúng túng về cách thức thực hiện kiến nghị kiểm toán. Việc quán triệt, chỉ đạo theo thẩm quyền của HĐND và UBND một số tỉnh, thành phố, Bộ, ngành chưa tích cực, công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc còn buông lỏng, chưa được quan tâm.

Ngoài ra, theo KTNN các khu vực và chuyên ngành, phần lớn đơn vị sử dụng sai nguồn kinh phí đều thuộc các địa phương nghèo, khó khăn về tài chính nên chưa cân đối được nguồn hoàn trả theo kiến nghị của KTNN. Nhiều đơn vị đã nộp NSNN nhưng việc ghi chép chứng từ chưa đúng hoặc chưa cung cấp đầy đủ các bằng chứng để chứng minh việc thực hiện theo kiến nghị của KTNN...

Để các kết luận, kiến nghị được khai thác, sử dụng hiệu quả...

Hoạt động KTNN chỉ thực sự có ý nghĩa khi kết luận, kiến nghị kiểm toán của KTNN được khai thác, sử dụng hiệu quả; kiến nghị kiểm toán được thực hiện nghiêm túc. Do vậy, để nâng cao kết quả thực hiện kết luận kiến nghị kiểm toán, KTNN cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, KTNN cần nâng cao chất lượng hoạt động kiểm toán bằng các công việc cụ thể như: nâng cao chất lượng kết quả kiểm toán qua 4 bước theo quy trình kiểm toán; đẩy mạnh việc thu thập thông tin về tình hình quản lý sử dụng tài chính công một cách liên tục để hình thành một trung tâm lưu giữ tư liệu, từ đó áp dụng các phương pháp kiểm toán và bố trí lực lượng kiểm toán thích hợp. KTNN cũng cần nâng cao chất lượng trong quá trình khảo sát, thu thập thông tin, lập kế hoạch kiểm toán và thực hiện kiểm toán của đoàn kiểm toán, phát huy vai trò bộ phận kiểm soát chất lượng của đơn vị, giám sát chặt chẽ hoạt động của các đoàn, tổ kiểm toán và kiểm toán viên nhằm tránh những sai sót hoặc sai phạm trong hoạt động kiểm toán. Đặc biệt, KTNN cần

tăng cường sự phối hợp giải quyết công việc với các cơ quan nhà nước để đảm bảo việc kiểm tra, giám sát, theo dõi kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán.

Hai là, chất lượng báo cáo kiểm toán và kiến nghị kiểm toán phải được nâng cao hơn nữa thông qua việc tăng cường vai trò, chức năng kiểm tra, rà soát, thẩm định dự thảo báo cáo kiểm toán; nâng cao trách nhiệm của lãnh đạo KTNN chuyên ngành, khu vực trong quá trình xét duyệt dự thảo báo cáo kiểm toán. Khi lập báo cáo kiểm toán, đoàn kiểm toán cần ấn định thời gian đơn vị phải báo cáo kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị kiểm toán.

Ba là, KTNN các khu vực và chuyên ngành cần nêu rõ trách nhiệm trưởng đoàn kiểm toán là trưởng đoàn kiểm tra kiến nghị, nhằm đảm bảo việc đôn đốc, hướng dẫn và theo dõi các đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán đầy đủ, kịp thời. Cán bộ tham gia đoàn kiểm tra kiến nghị phải có năng lực, kinh nghiệm công tác. Những kiến nghị còn tồn đọng kéo dài qua nhiều năm, không còn khả thi phải được rà soát và thuyết minh nguyên nhân để báo cáo lãnh đạo KTNN xem xét, quyết định.

Bên cạnh đó, KTNN cần có quy định cụ thể, thống nhất mang tính chất bắt buộc chung về việc theo dõi, kiểm tra đối với tất cả các kết luận, kiến nghị kiểm toán. Đồng thời, kiến nghị các cơ quan của Quốc hội và Chính phủ tiếp tục kiểm tra, giám sát, xử lý theo quy định của pháp luật đối với các đơn vị, tập thể, cá nhân có tình trạng chây ì, không chấp hành kết luận, kiến nghị kiểm toán của KTNN.

Các cơ quan liên quan cũng cần bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật để có chế tài xử lý nghiêm minh đối với các sai phạm được phát hiện trong việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán, qua đó nâng cao ý thức của các đơn vị được kiểm toán nói riêng và việc thực thi pháp luật nói chung. ■

Kiến thức - Kinh nghiệm

Kinh nghiệm kiểm toán quản lý thảm họa của Nhật Bản

□ NGỌC QUỲNH

Kiểm toán thảm họa - một trong tám của Chính phủ

Hiện nay, Chính phủ Nhật Bản đang chi dùng khoảng 3 - 5 tỷ Yên (26,7 - 44,6 tỷ USD) mỗi năm cho hoạt động quản lý thảm họa. Số tiền này chiếm 4 - 6% tổng ngân sách quốc gia. Điều này cho thấy trọng tâm của Chính phủ Nhật Bản trong việc thực hiện các hành động liên quan đến quản lý thảm họa.

Là một cơ quan được hiến định độc lập, Ủy ban Kiểm toán Nhật Bản (BOA) được Chính phủ giao nhiệm vụ kiểm toán các báo cáo tài chính, tài khoản công của các cơ quan nhà nước và những đơn vị nhận hỗ trợ tài chính từ Chính phủ. Các cuộc kiểm toán của BOA được thực hiện dựa trên nguyên tắc: chính xác, thường xuyên, tính kinh tế, hiệu quả và hiệu lực. Để thuận tiện và tránh chồng chéo, các đơn vị trực thuộc của BOA được phân chia theo Bộ, ngành và đối tượng kiểm toán. Mỗi đơn vị kiểm toán được giao kiểm toán một số cơ quan nhà nước cụ thể. Bên cạnh đó, có một ban kiểm toán các vấn đề đặc biệt thực hiện kiểm toán chéo giữa các Bộ, ngành mà không có đối tượng kiểm toán cụ thể. Hằng năm, BOA tiến hành xây dựng chính sách cơ bản về kiểm toán, trên cơ sở đó, mỗi bộ phận sẽ tự lập kế hoạch kiểm toán và thực hiện các cuộc kiểm toán tương ứng.

Hầu hết các cuộc kiểm toán về quản lý thảm họa tại Nhật Bản hiện nay đều được thực hiện ở

Nhật Bản là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ các thảm họa thiên nhiên với hơn 25.000 người tử vong và mất tích trong giai đoạn từ năm 1998 đến 2017, gây thiệt hại lớn cho nền kinh tế. Công tác quản lý thảm họa được Chính phủ Nhật Bản thực hiện theo Đạo luật về các biện pháp đối phó với thảm họa, ban hành năm 1961, trong đó đề ra các nguyên tắc cơ bản, phân công nhiệm vụ giữa các bên và chính sách liên quan đến ngăn ngừa thảm họa, kiểm soát thảm họa khẩn cấp và khôi phục sau thảm họa.



BOA đưa ra nhiều kiến nghị nhằm nâng cao công tác khắc phục sau thảm họa tại Nhật Bản

Ảnh: Japan Times

cấp độ dự án. Một cuộc kiểm toán quản lý thảm họa điển hình thường xem xét, đánh giá liệu các dự án xây dựng và tái thiết được Nhà nước hỗ trợ ngân sách có được thực hiện tuân thủ theo các luật và quy định, cũng như ngân sách được duyệt hay không. Hầu hết các cuộc kiểm toán quản lý thảm họa của BOA được tiến hành thường xuyên. Bên cạnh đó, các kiểm toán viên cũng đánh giá việc tiếp nhận và sử dụng tài chính của cơ quan chủ quản của các dự án, chương trình.

Về phương pháp kiểm toán, các kiểm toán viên của BOA hiện chủ yếu dựa vào phương pháp kiểm toán tại chỗ và đánh giá các tài liệu được đệ trình của đơn vị được kiểm toán. Đây là phương pháp kiểm toán truyền thống của BOA cho các cuộc kiểm toán về quản lý thảm họa. Ngoài ra, BOA cũng xây dựng và ứng dụng rộng rãi nhiều bộ công cụ mới liên quan đến quản lý thảm họa, đặc biệt là công nghệ GIS (Hệ thống thông tin địa lý), GPS (định vị từ xa)...

Nhiều phát hiện kiểm toán nổi bật

Kể từ trận động đất sóng thần Tohoku lịch sử năm 2011, khiến toàn bộ đất nước Nhật Bản rơi vào tình trạng tởn tộ nhất kể từ sau chiến tranh thế giới thứ II, Chính phủ Nhật Bản bắt đầu chú trọng hơn đến công tác kiểm toán quản lý thảm họa, song song với các chương trình tái thiết và nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý thảm họa. Số lượng các cuộc kiểm toán về quản lý thảm họa từ đó gia tăng theo.

Theo đó, từ tháng 10/2011, BOA đã thực hiện một số cuộc kiểm toán các dự án phục hồi và tái thiết sau trận động đất, sóng thần tháng 3/2011 tại miền Đông Bắc Nhật Bản. Trong số những cuộc kiểm toán này, có 2 cuộc “Kiểm toán về việc cấp nhà ở tạm thời khẩn cấp cho các nạn nhân” và “Kiểm toán việc xử lý rác thải sau thiên tai” đã chỉ ra nhiều vấn đề bất cập trong công tác tái thiết.

Một số phát hiện nổi bật qua 2 cuộc kiểm toán của BOA bao gồm: tính đến cuối tháng 3/2012, tại 7 tỉnh bị ảnh hưởng đã cấp 116.170 nhà tạm thời, trong đó có 52.858 nhà xây dựng mới và 57.697 nhà thuê cho các nạn nhân bị mất nhà cửa; xét về chi phí, đến cuối tháng 3/2012, chi phí cung cấp các ngôi nhà xây dựng là 62.800 USD cho mỗi nhà, trong khi chi phí dành cho mỗi nhà thuê trong 2 năm là 18.300 USD. BOA cho rằng, số dĩ chi phí xây dựng tăng vọt lên như trên là do phát sinh các khoản giải phóng mặt bằng xây dựng, chi để phá dỡ nhà và giải phóng lại mặt bằng sau 2 năm. Về kiểm toán xử lý rác thải sau thiên tai, kết quả kiểm toán cho thấy, đến cuối tháng 7/2012, 13 tỉnh đã xử lý trung bình 21 triệu tấn rác thải; 3 tỉnh chịu ảnh hưởng nặng nề nhất là Iwate, Miyagi và Fukushima đã xử lý 17,7 triệu tấn rác thải. Cuộc kiểm toán cũng chỉ ra tình trạng “tri hoãn” trong giải ngân và thực thi ngân sách.

Qua kiểm toán, BOA cũng đưa ra nhiều khuyến nghị cho Bộ Môi trường Nhật Bản, Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản trong công tác thực hiện và phối hợp nhằm nâng cao hiệu quả công tác hoạch định chính sách và khắc phục sau thảm họa.■

(Theo Tạp chí ASOSAI và The Japan Times)

Hoạt động của Kiểm toán Nhà nước...

(Tiếp theo trang 2)

Kết quả kiểm toán đã xác nhận được tính trung thực, hợp lý trong chi tiêu ngân sách; đánh giá tính kinh tế, hiệu quả trong quản lý tài chính tại các chương trình phát triển kinh tế - xã hội quan trọng của quốc gia, đặc biệt là đánh giá hiệu lực thực hiện các mục tiêu đề ra, kết quả đạt được cũng như bất cập trong thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm quốc gia. Từ đó, KTNN Việt Nam đã kiến nghị và cung cấp nhiều thông tin cho Quốc hội, Chính phủ để ban hành cơ chế, chính sách, đề ra các giải pháp quản lý kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực của các chương trình, dự án, góp phần vào việc hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội của đất nước.

Thay mặt KTNN Việt Nam, Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước Nguyễn Quang Thành đánh giá cao SAI chủ nhà đã lựa chọn 2 chủ đề rất thiết thực và cũng là thách thức của nhiều quốc gia hiện nay. Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước cho rằng, Đại hội đã thảo luận và đưa ra nhiều kiến thức, kinh nghiệm cũng như giải pháp về các

chủ đề liên quan. Đặc biệt, các đại biểu đã nhấn mạnh vấn đề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; vai trò của SAI trong việc minh bạch nền tài chính công, nâng cao trách nhiệm giải trình, góp phần quan trọng trong việc sử dụng hiệu quả ngân sách quốc gia, tăng cường phòng, chống tham nhũng hiệu quả.

+ Bên lề Đại hội INTOSAI 23, Đoàn đại biểu KTNN Việt Nam cũng đã tham dự các cuộc thảo luận mở về kiểm toán việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, tiếp xúc song phương với các SAI: Áo, Nhật Bản, Trung Quốc, Nga, Lào,... Các SAI đều mong muốn, KTNN Việt Nam với vai trò Chủ tịch ASOSAI nhiệm kỳ 2018-2021 sẽ tiếp tục thúc đẩy hợp tác hơn nữa giữa ASOSAI với các tổ chức khu vực nói chung và giữa các SAI thành viên nói riêng.

+ KTNN Việt Nam cũng đã phối hợp với KTNN Trung Quốc tổ chức Triển lãm về ASOSAI nhằm giới thiệu những hoạt động năng động của ASOSAI tới bạn bè quốc tế.■

ĐỨC HIẾU

Lãnh đạo...

(Tiếp theo trang 2)

khối Quản trị Toàn cầu của Ngân hàng Thế giới (WB) Hassan Zaman.

Tại buổi tiếp, Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước đã chia sẻ về kết quả làm việc với WB trong khuôn khổ chuyên thăm và làm việc tại Hoa Kỳ của KTNN vào tháng 8 vừa qua. Theo đó, 2 bên đã thông nhất một số vấn đề như: nâng cao chất lượng, đa dạng các hoạt động hợp tác; hợp tác về việc kiểm toán và xác minh kết quả độc lập đối với các chương trình, dự án của WB tại Việt Nam; WB hỗ trợ KTNN trong công tác đào tạo, tập huấn về chuyên môn, kỹ thuật kiểm toán cũng như thực hiện vai trò Chủ tịch ASOSAI. Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước cho biết, trong thời gian tới, 2 bên sẽ triển khai hình thức hợp tác mới - Dịch vụ Hỗ trợ có thu phí (RAS) của WB, trong đó, KTNN sẽ thuê chuyên gia tư vấn

của WB với mức chi phí ưu đãi nhằm thực hiện các hoạt động tăng cường năng lực kiểm toán công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kiểm toán.

Cảm ơn sự đón tiếp trọng thị của KTNN, ông Hassan Zaman đánh giá cao công tác kiểm toán của KTNN đối với các dự án, chương trình của WB, đồng thời cam kết WB sẽ hỗ trợ KTNN thực hiện tốt vai trò Chủ tịch ASOSAI. Về dịch vụ RAS, ông Hassan Zaman khẳng định, WB sẵn sàng lắng nghe những chia sẻ, mong muốn của KTNN để cùng thảo luận và thống nhất các hoạt động hợp tác cụ thể trong thời gian tới, góp phần thúc đẩy mối quan hệ hợp tác giữa 2 bên ngày càng chặt chẽ, hiệu quả và thiết thực hơn.■

NGỌC QUỲNH

Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn ngân sách trung ương giảm mạnh

Báo cáo của Chính phủ về thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế trong lĩnh vực đầu tư công, DNNN và hệ thống ngân hàng năm 2014 và Báo cáo của Chính phủ về tình hình nợ đọng XDCB nguồn vốn NSNN, trái phiếu chính phủ năm 2013 cho thấy, nợ đọng XDCB tính đến hết năm 2013 là 57.977 tỷ đồng (tăng 11.401 tỷ đồng so với năm 2012), bằng 33,1% kế hoạch vốn năm 2013.

Về tình hình nợ đọng XDCB năm 2014, Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2011-2015 và dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT) cho biết, số nợ đọng XDCB đến hết năm 2014 là 86.995 tỷ đồng (NSNN 76.208 tỷ đồng, trái phiếu chính phủ 10.774 tỷ đồng, nguồn vốn khác 13 tỷ đồng). Trong đó, năm 2015, các Bộ, cơ quan T.Ư, địa phương đã bố trí thanh toán nợ đọng XDCB 29.895 tỷ đồng (từ nguồn NSNN là 27.078,9 tỷ đồng; các nguồn vốn khác là 5,4 tỷ đồng; trái phiếu chính phủ 2.810,6 tỷ đồng). Số nợ đọng XDCB đến hết năm 2014 chưa bố trí kế hoạch vốn để thanh toán 57.100 tỷ đồng (trong đó từ nguồn NSNN là 49.129,4 tỷ đồng; nguồn vốn khác 7,7 tỷ đồng; trái phiếu chính phủ là 7.963,6 tỷ đồng).

Nếu như năm 2015, các Bộ, ngành, địa phương phải bố trí gần 30.000 tỷ đồng để thanh toán nợ đọng XDCB thì từ năm 2016 trở đi, con số này đã giảm rất mạnh. Cụ thể, theo báo cáo của Bộ KH&ĐT, tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 bố trí để thanh toán nợ đọng XDCB nguồn ngân sách T.Ư chỉ là 9.869 tỷ đồng (gồm trái phiếu chính phủ 810 tỷ đồng và ngân sách T.Ư 9.059 tỷ đồng). Số đã được phân bổ để thanh toán nợ đọng XDCB trong 2 năm 2016 và

Qua kết quả kiểm toán

Cần tổng hợp đầy đủ để quản lý chặt nợ đọng xây dựng cơ bản

□ PHÚC KHANG

Một vấn đề đã được KTNN phát hiện và chỉ ra trong suốt nhiều năm qua khi thực hiện kiểm toán Báo cáo kiểm toán quyết toán NSNN là nợ đọng xây dựng cơ bản (XDCB) chưa được tổng hợp đầy đủ do thiếu những quy định cụ thể của pháp luật.



Cần xác định trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương không báo cáo trung thực số liệu nợ đọng XDCB
Ảnh: TTXVN

2017 là 4.927 tỷ đồng (năm 2016 là 3.121 tỷ đồng và năm 2017 là 1.807 tỷ đồng); số chưa phân bổ đến hết năm 2017 là 4.942 tỷ đồng (trong đó nguồn trái phiếu chính phủ là 678 tỷ đồng và ngân sách T.Ư là 4.264 tỷ đồng).

Đồng thời với đó, số nợ đọng XDCB của các Bộ, ngành, cơ quan T.Ư và địa phương được tổng hợp cũng giảm mạnh. Cụ thể, tổng hợp số liệu nợ đọng đến ngày 31/12/2017 của 7 Bộ, ngành, cơ quan T.Ư chỉ là 1.775 tỷ đồng (ngân sách T.Ư 1.291 tỷ đồng; trái phiếu chính phủ 369 tỷ đồng; vốn khác 115 tỷ đồng) và của 49 địa phương là 44.198 tỷ đồng.

Đây là tín hiệu đáng mừng khi mà qua kiểm toán quyết toán NSNN năm 2012, 2013, KTNN nêu rõ, nhiều Bộ, cơ quan T.Ư và

địa phương có số nợ đọng lên tới trên 1.000 tỷ đồng. Đơn cử, kết thúc niên độ tài chính năm 2012, KTNN đã dẫn Báo cáo của Chính phủ trong đó nêu rõ danh sách 15 Bộ, ngành, địa phương có số nợ đọng XDCB trên 1.000 tỷ đồng, trong đó địa phương có số nợ cao nhất lên tới 3.954 tỷ đồng. Năm tiếp theo, cũng dẫn Báo cáo của Chính phủ, KTNN cho biết, nợ đọng XDCB tính đến hết năm 2013 của khoảng 10 Bộ, ngành, địa phương đã vượt quá trên 1.000 tỷ đồng, trong đó địa phương có số nợ đọng cao nhất là 5.300 tỷ đồng. Hơn nữa, ở những năm trước đó còn có tình trạng phát sinh nợ đọng XDCB mới diễn ra phổ biến ở nhiều địa phương và một số cơ quan T.Ư; tỷ lệ nợ đọng XDCB so với tổng

Cần tổng hợp đầy đủ nợ đọng xây dựng cơ bản

chi đầu tư phát triển của một số địa phương còn lớn, đáng chú ý, năm 2015, có địa phương có tỷ lệ nợ đọng XDCB so với tổng chi đầu tư phát triển lên đến 232%, cá biệt có địa phương có tỷ lệ này lên đến 786%.

Qua kiểm toán quyết toán NSNN niên độ tài chính 2014, KTNN nhận xét, những con số liên quan đến vấn đề bố trí kế hoạch vốn để thanh toán nợ đọng XDCB được đưa ra chỉ là số liệu tổng hợp, không có chi tiết dự án chưa có phương án, lộ trình xử lý trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020. KTNN còn chỉ ra 39/50 địa phương được kiểm toán phát sinh nợ đọng XDCB mới trong năm 2014 với tổng số tiền 13.377 tỷ đồng; tỷ lệ nợ đọng XDCB của một số địa phương còn lớn so với tổng chi đầu tư phát triển của địa phương; một số địa phương chưa xây dựng phương án, kế hoạch và lộ trình xử lý nợ đọng XDCB; một số Bộ, cơ quan T.Ư chưa bố trí nguồn vốn để xử lý nợ đọng.

Tại Báo cáo kết quả kiểm toán quyết toán NSNN năm 2015, KTNN tiếp tục dẫn Báo cáo của Bộ KH&ĐT cho biết, số nợ đọng XDCB vốn ngân sách T.Ư và trái phiếu chính phủ đến ngày 31/12/2014 là 21.416 tỷ đồng, số nợ đọng XDCB vốn ngân sách

T.Ư và trái phiếu chính phủ đến hết kế hoạch 2015 chưa bố trí nguồn thanh toán là 14.043 tỷ đồng. Qua thực tế kiểm toán, KTNN đánh giá, số nợ đọng nguồn ngân sách địa phương chưa được tổng hợp để báo cáo Chính phủ theo quy định tại Mục II Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Qua kiểm toán quyết toán NSNN năm 2017, KTNN cũng nêu rõ, do chưa có quy định về trách nhiệm tổng hợp số liệu nợ đọng XDCB hằng năm và tổng hợp phương án trả nợ XDCB từ kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách T.Ư do địa phương quản lý nên không có báo cáo cập nhật tổng hợp về tình hình nợ XDCB của các Bộ, cơ quan T.Ư và địa phương; không có số liệu tổng hợp số nợ đọng XDCB nguồn ngân sách địa phương, nguồn vốn khác.

Để khắc phục những hạn chế, bất cập trên, qua kiểm toán quyết toán NSNN những năm trước đây, KTNN kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo cơ quan hữu quan xác định rõ nợ đọng XDCB để kiểm soát chặt chẽ, xác định trách nhiệm của các Bộ, cơ quan T.Ư, địa phương không báo cáo đúng đắn, trung thực số liệu nợ đọng XDCB. Năm 2018, qua kiểm toán quyết toán NSNN năm 2017, KTNN cũng tiếp tục kiến nghị cơ quan hữu quan cần tổng hợp, quản lý và theo dõi việc tổng hợp số liệu nợ đọng XDCB hằng năm để báo cáo Thủ tướng Chính phủ. ■

tháng 10/2019 và một số nội dung quan trọng khác.

Theo Báo cáo kết quả thực hiện công tác tháng 9/2019, toàn Ngành đã cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra. Cụ thể, lãnh đạo KTNN đã xét duyệt 17 kế hoạch kiểm toán, 24 báo cáo kiểm toán, triển khai 46 cuộc kiểm toán. Tính đến hết ngày 30/9/2019, KTNN đã tổ chức xét duyệt 217/227 kế hoạch kiểm toán, triển khai 214 đoàn kiểm toán, kết thúc 147 đoàn kiểm toán, xét duyệt 150/260 báo cáo kiểm toán, đã trình lãnh đạo KTNN ký phát hành 122/260 báo cáo kiểm toán.

Nổi bật trong tháng, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) đã cho ý kiến hoàn thiện Dự thảo Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KTNN, Dự thảo Kế hoạch kiểm toán năm 2020 của KTNN; KTNN đã tổ chức thành công Đoàn lãnh đạo cấp cao KTNN tham dự Đại hội Tổ chức quốc tế Các cơ quan Kiểm toán tối cao (INTOSAI) lần thứ 23 tại Cộng hòa Liên bang Nga...

Bên cạnh đó, Báo cáo cũng nêu bật kết

Tập trung hoàn thành...

(Tiếp theo trang 1)

quả trên từng mảng công tác của Ngành như: Công tác kiểm soát chất lượng kiểm toán; tổ chức, đào tạo; xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; hợp tác quốc tế; thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại tố cáo; công nghệ thông tin; nghiên cứu khoa học; báo chí, tuyên truyền...

Báo cáo cũng nêu một số nhiệm vụ trọng tâm của toàn Ngành trong thời gian tới. Trong đó, các đơn vị kiểm toán tiếp tục triển khai các cuộc kiểm toán đợt 3 theo kế hoạch; các đơn vị liên quan tập trung hoàn thiện Kế hoạch kiểm toán năm 2020 của KTNN, Dự thảo Luật Sửa đổi, bổ sung Luật KTNN năm 2015 để xin ý kiến các đại biểu Quốc hội tại Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIV; hoàn thành Báo cáo ý kiến của KTNN về dự toán NSNN, phân bổ ngân sách T.Ư năm 2020; hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết ban hành Chiến lược phát triển KTNN giai đoạn 2020-

2030, tầm nhìn đến năm 2035 trình UBNDTVQH...

Tại Hội nghị, các đại biểu đã bày tỏ sự nhất trí đối với các nội dung của Báo cáo; đồng thời thảo luận, đề xuất giải pháp tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn triển khai công tác kiểm toán. Các đại biểu cũng đề nghị cần tăng cường rà soát việc thực hiện kiến nghị kiểm toán cũng như đề xuất tăng cường sự phối hợp giữa các đơn vị trong Ngành, đảm bảo tiến độ công việc được thuận tiện, kịp thời và chính xác...

Phát biểu kết luận Hội nghị, Tổng Kiểm toán Nhà nước Hồ Đức Phúc đánh giá cao các kết quả đạt được của KTNN trong tháng 9, đồng thời chỉ ra một số hạn chế cần khắc phục trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Ngành trong thời gian tới.

Về thực hiện kế hoạch công tác tháng 10/2019, Tổng Kiểm toán Nhà nước yêu

cầu: Các đơn vị kiểm toán tập trung vào thực hiện nhiệm vụ kiểm toán theo kế hoạch, hoàn thành kế hoạch kiểm toán đợt 3 trong tháng 10; chú trọng nâng cao chất lượng kiểm toán; hoàn thiện Kế hoạch kiểm toán năm 2020 của KTNN để trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến trong tháng này.

Các đơn vị kiểm toán và các đơn vị có liên quan cần tăng cường kiểm tra, kiểm soát, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao tinh thần trách nhiệm của kiểm toán viên và tinh tiên phong, gương mẫu của lãnh đạo các cấp, giữ gìn hình ảnh, uy tín của Ngành; tăng cường quản lý đối với các đoàn, tổ kiểm toán, kiểm toán viên chặt chẽ...

Bên cạnh đó, Tổng Kiểm toán Nhà nước cũng yêu cầu các đơn vị tiếp tục bám sát thực hiện các nhiệm vụ công tác theo kế hoạch cũng như nhiệm vụ được giao, đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả công tác; phấn đấu kết thúc các cuộc kiểm toán trước ngày 31/10 và phát hành các báo cáo kiểm toán trong tháng 12/2019. ■

Tin và ảnh: NGUYỄN LỘC

Nguy cơ thất thoát tài sản công

Theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật này, ĐVSNCL được phép cho thuê, liên doanh, liên kết sử dụng tài sản, đất đai trong trường hợp tài sản được giao chưa sử dụng hết công suất. Để thực hiện cho thuê, liên doanh, liên kết, ĐVSNCL phải lập đề án sử dụng tài sản công và được cơ quan có thẩm quyền cho phép cũng như tuân thủ một số quy trình, thủ tục theo quy định nhằm tránh nguy cơ thất thoát tài sản công.

Tuy nhiên, trên thực tế, hầu hết các ĐVSNCL lĩnh vực VH,TT&DL vẫn tổ chức cho thuê, hoặc liên doanh, liên kết mà chưa thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Năm 2018, qua kiểm toán, KTNN đã chỉ ra nhiều ĐVSNCL lĩnh vực VH,TT&DL có vi phạm trong liên doanh, liên kết, như: Khu Liên hợp Thể thao Quốc gia Mỹ Đình, Trung tâm Hỗ trợ sáng tác... Các hoạt động liên kết, cho thuê địa điểm chưa thực hiện đúng quy định tại Thông tư số 23/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại ĐVSNCL.

Một trong những điều kiện để thực hiện liên doanh, liên kết, đó là lĩnh vực liên doanh, liên kết, cho thuê phải phù hợp với chức năng của ĐVSNCL. Tuy nhiên, theo kết quả kiểm toán, 21 đơn vị được kiểm toán đều sử dụng tài sản liên kết kinh doanh sai mục đích (nhà

Vấn đề bạn đọc quan tâm

Vướng mắc trong thực hiện liên doanh, liên kết sử dụng tài sản công

□ PHỔ HIỆN

Hiện nay, tình trạng đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch (VH,TT&DL) vi phạm trong quản lý, sử dụng tài sản công khi thực hiện liên doanh, liên kết, cho thuê tài sản công không đúng quy định diễn ra phổ biến và đã được các cơ quan chức năng, trong đó có KTNN nhiều lần chỉ ra. Tuy nhiên, theo phản ánh của nhiều đơn vị, việc thực hiện cho thuê, liên kết sử dụng tài sản công cũng gặp nhiều vướng mắc bởi chính quy định hiện hành.



Trụ sở Viện Phim Việt Nam

Ảnh: BÌNH MINH

hàng, cafe, dịch vụ phụ trợ). Đến nay, các hoạt động vi phạm này vẫn tồn tại, đơn cử như tại Khu Liên hợp Thể thao Quốc gia Mỹ Đình, việc kinh doanh dịch vụ nhà hàng, giải trí vẫn rất lộn xộn; tại Viện Phim Việt Nam, hàng trăm mét vuông đất công được giao cho Viện quản lý vẫn được cho thuê để kinh doanh cafe sai mục đích... Đáng chú ý, cũng tại Viện Phim Việt Nam, việc sử dụng đất công

để kinh doanh sai mục đích diễn ra nhiều năm qua chỉ dựa trên một văn bản đồng ý về mặt chủ trương của Bộ VH,TT&DL từ năm 2017 là không đúng quy định, bởi Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có hiệu lực từ ngày 01/01/2018. Theo ông Vũ Nguyên Hùng - quyền Viện trưởng Viện Phim Việt Nam, hoạt động liên doanh, liên kết sử dụng tài sản công của Viện chỉ có thời hạn 1 năm và Viện chủ động

gia hạn, nếu Bộ không có chỉ đạo dừng hoặc phải điều chỉnh theo quy định mới.

Bên cạnh đó, theo quy định, các đơn vị có nhu cầu liên doanh, liên kết, cho thuê phải thực hiện lập đề án sử dụng tài sản công, tuy nhiên, hầu hết các ĐVSNCL vẫn thực hiện cho thuê, liên kết kinh doanh khi chưa lập hoặc đang trong quá trình lập đề án.

Vướng mắc từ quy định pháp luật

Thực tế cho thấy, việc thực hiện liên doanh, liên kết, cho thuê tài sản công tại các ĐVSNCL lĩnh vực VH,TT&DL đang tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây thất thoát và cần được chấn chỉnh nghiêm túc theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ở một khía cạnh khác, nhiều ĐVSNCL cho rằng, việc thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP khi liên doanh, liên kết, cho thuê tài sản công đang gặp khó khăn.

Theo một cán bộ công tác tại Vụ Kế hoạch, tài chính (Bộ VH,

TT&DL), nhằm đảm bảo cho các ĐVSNCL có thêm nguồn thu trong lộ trình thực hiện tự chủ, giảm gánh nặng cho NSNN, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công cho phép các ĐVSNCL được liên doanh, liên kết, cho thuê tài sản. Tuy nhiên, khung khổ pháp lý của hoạt động này vẫn còn những khoảng trống làm nảy sinh nhiều vướng mắc khi thực hiện, đơn cử như việc góp vốn liên doanh, liên kết bằng giá trị thương hiệu cũng cần được làm rõ hơn, đặc biệt là cách xác định giá trị thương hiệu để đảm bảo quyền lợi của các bên, cũng như không vi phạm quy định của pháp luật.

Còn theo đại diện Trung tâm Triển lãm Văn hóa nghệ thuật Việt Nam, đơn vị cũng đang trong quá trình thực hiện lập đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê. Theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, đơn vị phải gửi các cơ quan chức năng cho ý kiến thẩm định, tuy nhiên, thời gian thẩm định lại không được xác định, dẫn đến gây khó khăn cho đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ.

Đại diện các ĐVSNCL cũng cho rằng, một số quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP còn chung chung, dẫn đến khó thực hiện. Do đó, nhiều ý kiến cũng đề nghị trong quá trình các đơn vị thực hiện lập đề án, các đơn vị chức năng của Bộ Tài chính cần có sự hướng dẫn kịp thời, cụ thể hơn để giúp đỡ các ĐVSNCL thực hiện theo đúng quy định, cũng như đảm bảo sự thuận tiện trong các quy trình lập đề án.■

HAA cập nhật các điểm mới trong Luật Quản lý thuế 2019

Cuối tháng 9 vừa qua, Hội Kế toán TP. HCM (HAA) đã tổ chức sinh hoạt hội viên thường kỳ nhằm giới thiệu về các vấn đề mới trong Luật Quản lý thuế 2019 so với Luật Quản lý thuế 2006, bao gồm các nội dung: thanh tra, kiểm tra thuế; xử lý, chế tài, phạt vi phạm hành chính thuế. Trước đó, HAA đã phối hợp cùng Câu lạc bộ Kế toán - Tài chính các DN có vốn đầu tư nước ngoài (FAC) tổ chức buổi sinh hoạt định kỳ với chủ đề: Một số điểm mới về việc trích lập và xử lý 4 khoản dự phòng về thuế áp dụng từ năm tài chính 2019.■

Học viện Tài chính tổ chức hội thảo về tài chính toàn diện

Mới đây, Học viện Tài chính đã phối hợp với Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng tổ chức Hội thảo "Vai trò của các tổ chức tài chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong thúc đẩy phát triển tài chính toàn diện". Đây là hoạt động khoa học thuộc khuôn khổ Đề tài cấp Nhà nước mã số KX01.30/16-20: "Giải pháp thúc đẩy tài chính toàn diện tại Việt Nam" do PGS,TS. Chúc Anh Tú làm chủ nhiệm Đề tài. Tại đây, các chuyên gia, giảng viên đã nêu ý kiến đánh giá, chia sẻ thông tin và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao vai trò của các tổ chức tài chính, công nghệ thông tin trong việc phát triển tài chính toàn diện của Việt Nam.■

PwC định hướng nghề nghiệp cho sinh viên về lĩnh vực tư vấn thuế

Tại Hà Nội, PwC Việt Nam và Đại học Ngoại thương đã phối hợp tổ chức Tọa đàm hướng nghiệp cho các sinh viên chuyên ngành thuế, kế toán. Tại đây, các sinh viên đã có cơ hội tìm hiểu thêm về PwC và lắng nghe những chia sẻ, định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực tư vấn thuế từ các chuyên gia hàng đầu trong ngành này.■

THÙY LÊ



Tim hiểu về KTNN

QUY ĐỊNH CHUẨN MỰC KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC SỐ 1560 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

(Tiếp theo số 38)

(ii) Những sự kiện cung cấp bằng chứng về các sự việc phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

06. Kiểm toán viên nhà nước phải thực hiện các thủ tục kiểm toán đã được thiết kế nhằm thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về việc kiểm toán viên nhà nước đã nhận biết toàn bộ các sự kiện phát sinh từ sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập báo cáo kiểm toán cần được điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục đó có thể bao gồm các thủ tục cần thiết để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp, như việc soát xét hoặc kiểm tra tài liệu, sổ kế toán hoặc các giao dịch phát sinh giữa ngày kết thúc kỳ kế toán và ngày lập báo cáo kiểm toán. Các thủ tục kiểm toán quy định tại đoạn này và Đoạn 07 Chuẩn mực này được bổ sung cho những thủ tục mà kiểm toán viên nhà nước có thể thực hiện vì mục đích khác, tuy nhiên những thủ tục này có thể cung cấp bằng chứng về sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán. Kiểm toán viên nhà nước không bắt buộc phải thực hiện các thủ tục kiểm toán bổ sung đối với các vấn đề mà những thủ tục kiểm toán áp dụng trước đó đã đưa ra kết luận thoả đáng.

07. Kiểm toán viên nhà nước phải thực hiện các thủ tục theo quy định tại Đoạn 06 Chuẩn mực này để đảm bảo rằng các thủ tục này đã bao quát được toàn bộ, hoặc gần như toàn bộ giai đoạn kể từ sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập báo cáo kiểm toán. Tuy nhiên, những thủ tục mà kiểm toán viên nhà nước thực hiện đối với các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có thể phụ thuộc vào các thông tin sẵn có, đặc biệt là phụ thuộc vào các tài liệu, sổ kế toán đã được lập sau ngày kết thúc kỳ

kế toán. Kiểm toán viên nhà nước phải lưu ý đến việc đánh giá rủi ro để xác định nội dung, phạm vi của các thủ tục kiểm toán đó và phải bao gồm những công việc sau:

- (i) Tìm hiểu về các thủ tục mà đơn vị được kiểm toán đã thiết lập nhằm bảo đảm đã xác định được mọi sự kiện xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (ii) Phỏng vấn đơn vị được kiểm toán để xác định khả năng ảnh hưởng của những sự kiện đã xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến báo cáo tài chính;
- (iii) Xem xét các thủ tục, biên bản họp (nếu có) của đơn vị được kiểm toán để thảo luận các vấn đề về những sự kiện xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (iv) Xem xét báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ gần nhất kể từ sau ngày kết thúc kỳ kế toán của đơn vị (nếu có).

(v) Nếu sau khi thực hiện các thủ tục theo quy định tại Đoạn 06 và Đoạn 07 Chuẩn mực này, kiểm toán viên nhà nước phát hiện được những sự kiện cần điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính, thì kiểm toán viên nhà nước phải xác định mỗi sự kiện này có được phản ánh trên báo cáo tài chính theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng.

08. Ngoài các thủ tục kiểm toán theo quy định tại Đoạn 07 Chuẩn mực này, kiểm toán viên nhà nước có thể cần thực hiện các thủ tục khác phù hợp như:

- (i) Xem xét bảng dự toán gần nhất của đơn vị được kiểm toán, kế hoạch về luồng tiền và các báo cáo quản trị có liên quan cho các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (ii) Phỏng vấn (hoặc mở rộng nội dung phỏng vấn bằng lời hoặc bằng văn bản trước đây) chuyên gia tư vấn pháp luật của đơn vị về các vụ kiện và tranh chấp;■

(Kỳ sau đăng tiếp)

Nhà đầu tư chưa mặn mà với hạ tầng đường sắt

Trong vài năm gần đây, dịch vụ vận tải đường sắt đã có những bước cải thiện, tuy nhiên, hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt đang ngày càng bộc lộ hạn chế, bất cập. Theo đó, toàn tuyến đường sắt có 1.852 cầu nhưng gần một nửa xuống cấp, chưa được đầu tư, có 39 hầm thì 22 hầm cần được cải tạo, 297 nhà ga nhưng phần lớn quy mô nhỏ, hạ tầng cũ. Ngoài ra, tuyến đường sắt quốc gia hiện nay có đến hơn 1.500 đường ngang và hơn 4.000 lối đi tự mở, trung bình 1 km đường sắt có 2,2 điểm giao cắt đồng mức trong khi gần 70% số vụ tai nạn giao thông đường sắt xảy ra tại các vị trí này... Tại Toạ đàm “Thúc đẩy hạ tầng đường sắt phát triển: Nút thắt và giải pháp” do Báo Đại biểu Nhân dân tổ chức mới đây, Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (VNR) Vũ Anh Minh cho hay, khó khăn của ngành đường sắt do suất đầu tư thấp, kinh phí duy tu bảo dưỡng thường xuyên từ NSNN chỉ đáp ứng 30 - 40%. Cứ trình lên 1.000 hạng mục thì bỏ lại 600 hạng mục, mỗi năm tích tụ lại như vậy, đến nay, đường sắt trở thành một “thân thể già nua”.

Theo đánh giá của Thứ trưởng Bộ GTVT Nguyễn Ngọc Đông, đường sắt có thời kỳ chiếm lĩnh khoảng 30% thị phần vận tải, giảm dần đến nay còn dưới 1% thị phần, điều này đồng nghĩa với việc vai trò của ngành đường sắt ngày càng nhỏ bé trong nền kinh tế. Mặc dù nhiều năm qua, Nhà nước đã khuyến khích, kêu gọi đầu tư vào đường sắt, tuy nhiên, nhà đầu tư chưa mặn mà, vì đầu tư phát triển lĩnh vực đường sắt đòi hỏi tính đồng bộ cao từ kết cấu hạ tầng, phương tiện đầu máy, toa xe, hệ thống thông tin tín hiệu... nên suất đầu tư đường sắt lớn, lợi thế thương mại thấp

Gỡ “nút thắt” để hạ tầng đường sắt phát triển

□ LÊ HÒA

Luật Đường sắt năm 2017 quy định ưu tiên tập trung nguồn lực để đầu tư phát triển, nâng cấp, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; giao thông vận tải (GTVT) đường sắt đóng vai trò chủ đạo trong hệ thống GTVT cả nước... Tuy nhiên, đến nay, chúng ta chưa có được những giải pháp mạnh để đầu tư lĩnh vực này, trong khi hạ tầng đường sắt hiện còn nhiều “nút thắt”.



Việc kêu gọi xã hội hóa đầu tư đường sắt vẫn gặp nhiều khó khăn

Ảnh: THÁI ANH

so với các loại hình đầu tư khác, thời gian hoàn vốn dài, tính khả thi trong việc kêu gọi xã hội hóa đầu tư không cao, không hấp dẫn các nhà đầu tư. Mặt khác, đầu tư cho đường sắt thường gấp 3 - 4 lần so với đường bộ.

Trong khi đó, Ủy viên Thường trực Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội Lê Thanh Vân cho rằng, đường sắt tụt hậu như hiện nay là do Nhà nước chưa có tầm nhìn chiến lược về quy hoạch đường sắt trên nền tảng mà đường sắt để lại. Hơn nữa, ngành đường sắt chưa nhận thấy những thách thức, chưa tự đổi mới về cơ cấu tổ chức, phương thức hoạt động

để thích nghi với sức cạnh tranh khốc liệt của thị trường mà vẫn trông chờ vào đầu tư của Nhà nước.

Cần có cơ chế để thu hút đầu tư

Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng và đô thị (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) Lê Thành Quân cho biết, trong thời gian qua, Bộ GTVT đã dành vốn đầu tư cho ngành đường sắt, tuy nhiên, số tiền từ ngân sách dành ra cho hạ tầng đường sắt chỉ như “muối bỏ bể” so với tình trạng hiện nay của phương thức giao thông quan trọng này. Theo thống kê, giai đoạn 2011-2015 nguồn vốn

từ ngân sách T.Ư bố trí để đầu tư phát triển hạ tầng đường sắt chỉ chiếm 4,44% toàn ngành giao thông, con số này đã được tăng lên thành 11,9% trong giai đoạn 2016-2020. Theo ông Quân, với nguồn lực có hạn, ngoài phần hỗ trợ của NSNN, cần phải xây dựng một cơ chế để xã hội hoá. Hiện nay, giao thông đường bộ, hàng không được đầu tư rất lớn, đường sắt muốn được như vậy cần phải bàn thêm cơ chế, chính sách thu hút đầu tư tư nhân tham gia.

Để đưa ngành đường sắt phát triển, ông Vũ Anh Minh cho biết, VNR sẽ báo cáo Bộ GTVT về việc xây dựng, trình Chính phủ

Đề án Khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt. Trong đó, VNR xin cơ chế để có thể trực tiếp đầu tư, kêu gọi nhà đầu tư vào các kho bãi đủ điều kiện tiêu chuẩn đưa phương tiện bốc xếp; xây dựng nhà ga thành các trung tâm thương mại vừa phục vụ khách hàng, vừa khai thác lợi thế thương mại. Nguồn thu này sẽ dành để nâng cấp các nhà ga không có lợi thế thương mại, không thu hút được đầu tư. Mặt khác, năng lực thông qua của hạ tầng đường sắt hiện hữu rất thấp, dẫn đến sản lượng vận tải thấp, khả năng thu hút kém; hạ tầng tại các nhà ga cũng trong tình trạng tương tự, nhất là các kho bãi phục vụ vận tải hàng hóa. Vì vậy, VNR kiến nghị Chính phủ tạo điều kiện, tiếp tục bố trí các gói trung hạn để cải tạo, nâng cấp hệ thống đường sắt hiện hữu, nhằm nâng cao năng lực thông qua.

Góp ý thêm về vấn đề này, ông Lê Thành Quân cho rằng, tập trung phát triển đường sắt là cần thiết. Tuy nhiên, trước tiên cần xác định vị trí, vai trò của đường sắt trong thời gian tới, trên cơ sở đó, chúng ta mới có thể tính toán, ưu tiên tập trung phát triển cho phù hợp. “Hạ tầng đường sắt không thể phát triển theo công nghệ truyền thống như hiện nay mà phải chọn theo công nghệ gì, đầu máy toa xe ra sao, làm đường theo hình thức nào, khổ phải đồng bộ với quốc tế. Trên cơ sở đó, chúng ta mới xác định được nguồn lực cho phát triển đường sắt” - ông Quân nói.■

Đó là thông tin được Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Nguyễn Bích Lâm cho biết tại buổi họp báo công bố số liệu thống kê kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2019 vừa diễn ra.

Theo đó, GDP 9 tháng năm 2019 ước tính tăng 6,98% so với cùng kỳ năm ngoái. Đây là mức tăng cao nhất của 9 tháng trong 9 năm gần đây. Trong đó, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,36%, đóng góp 52,6%; dịch vụ tăng 6,85%, đóng góp 42,6%; trong khi nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,02% - thấp hơn cùng kỳ năm ngoái (3,7%).

Riêng quý III, GDP tăng 7,31% so với cùng kỳ - mức cao thứ hai trong 8 năm qua và chỉ thấp hơn năm 2017. Trong đó, khu vực nông, lâm, thủy sản tăng 1,53%, công nghiệp và xây dựng tăng 10,05%, dịch vụ tăng 7,11%.

Trong 9 tháng năm 2019, số lượng DN thành lập đạt kỷ lục mới là 102.300 DN, tăng 5,9% so với cùng kỳ năm 2018 với số vốn đăng ký bình quân 12,6 tỷ

GDP 9 tháng tăng cao nhất trong gần một thập kỷ

đồng - mức cao nhất trong những năm gần đây; 27.600 DN quay trở lại hoạt động, tăng 20,5%; 21.200 DN tạm ngừng kinh doanh, giảm 7,9%; 28.200 DN chờ giải thể.

Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các DN ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong quý III/2019 cho thấy, 43,3% DN đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh quý III năm nay tốt hơn quý trước, 18,3% DN đánh giá gặp khó khăn và 38,4% DN cho rằng tình hình ổn định.

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội 9 tháng đạt mức tăng khá 10,3% so với cùng kỳ, trong đó, vốn khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 624.600 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng vốn đầu tư (45,3%) và đạt tốc độ tăng vốn cao nhất 16,9% so với cùng kỳ; vốn khu vực

nhà nước đạt 426.600 tỷ đồng, chiếm 31% và tăng 3%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 327.100 tỷ đồng, chiếm 23,7% và tăng 8,4%.

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 9 tháng ước đạt 382,72 tỷ USD, trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 194,3 tỷ USD, tăng 8,2% so với cùng kỳ. Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước có tốc độ tăng 16,4%, cao hơn nhiều tốc độ tăng của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (5%). Cán cân thương mại hàng hóa 9 tháng ước tính xuất siêu 5,9 tỷ USD.

Lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 9 tháng tăng 2,5% - mức tăng bình quân 9 tháng thấp nhất trong 3 năm gần đây. Lao động, việc làm trong cả nước có nhiều

chuyển biến tích cực với số người có việc làm tăng, tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm giảm dần. Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng khu vực nông, lâm, thủy sản, tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.

Theo Tổng cục Thống kê, kết quả tăng trưởng khẳng định tính quyết đoán, kịp thời và hiệu quả trong việc chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự nỗ lực của các cấp, các ngành, các địa phương trong quá trình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng năm 2019. Ông Nguyễn Bích Lâm cho rằng, mức tăng trưởng GDP 6,98% của 9 tháng là đáng khích lệ. Với tình hình này, chúng ta có khả năng đạt mục tiêu tăng trưởng đã đề ra trong năm nay.■ **HỒNG NHUNG**



THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Năm 2019, Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội tổ chức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ gồm các chuyên ngành:

- Tài chính – Ngân hàng
Mã số: 8.340.201
- Quản lý Kinh tế
Mã số: 8.340.410
- Quản lý Công
Mã số: 8.340.403
- Quản trị kinh doanh
Mã số: 8.340.101
- Kế toán
Mã số: 8.340.301
- Kỹ thuật phần mềm
Mã số: 8.480.103
- Công nghệ Thông tin
Mã số: 8.480.201
- Hệ thống Thông tin
Mã số: 8.480.104
- Ngôn ngữ Anh
Mã số: 8.220.201
- Kiến trúc
Mã số: 8.580.101

1. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH, HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

- 1.1. Chỉ tiêu tuyển sinh: 400
- 1.2. Hình thức đào tạo: Chính quy.
- 1.3. Thời gian đào tạo: 2 năm.

2. ĐIỀU KIỆN DỰ THI

2.1. Về văn bằng:

Người dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ phải có các điều kiện sau đây :

- Đã có bằng tốt nghiệp đại học của Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội đúng ngành, hoặc phù hợp với ngành - chuyên ngành đăng ký dự thi (khác nhau không quá 10% về nội dung và khối lượng kiến thức với ngành - chuyên ngành đăng ký dự thi) và thời gian tốt nghiệp không quá 5 năm (kể từ khi tốt nghiệp đến thời gian hết hạn nộp hồ sơ); Thí sinh đăng ký dự thi không phải học bổ sung kiến thức.

- Đã có bằng tốt nghiệp đại học đúng ngành hoặc phù hợp với ngành - chuyên ngành đăng ký dự thi của các trường Đại học, các Học viện:

+ Thời gian tốt nghiệp không quá 5 năm, thí sinh không phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi.

+ Thời gian tốt nghiệp quá 5 năm phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi 3 môn (do các khoa chuyên ngành lựa chọn).

- Đã có bằng tốt nghiệp đại học gắn với ngành - chuyên ngành dự thi (Khác nhau không quá 40% về nội dung và khối lượng kiến thức): Bằng Cử nhân kinh tế các ngành; Bằng Kỹ sư kinh tế các ngành; Bằng Công nghệ thông tin & Toán tin, thí sinh phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi 6 môn (mỗi môn 3 ĐVHT).

- Bằng tốt nghiệp đại học các ngành khác, thí sinh phải học chuyển đổi 9 môn để thi vào các ngành: Quản lý kinh tế; Quản lý công; Quản trị kinh doanh.

- Người có bằng đại học hệ vừa học vừa làm đúng ngành (hoặc ngành gần) loại khá



trở lên được đăng ký dự thi tuyển sinh cao học ngay sau khi tốt nghiệp. Người có bằng loại trung bình phải có kinh nghiệm ít nhất 1 năm công tác thực tế kể từ khi tốt nghiệp.

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học Tiếng Anh hệ không chính quy (vừa học vừa làm; Đào tạo từ xa) chuyên ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành ngôn ngữ Anh và tốt nghiệp hệ chính quy quá 5 năm (trừ giáo viên tiếng Anh) phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức đại học do Khoa Tiếng Anh sau đại học thuộc Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ tổ chức giảng dạy và thi sát hạch.

2.2. Có lý lịch bản thân rõ ràng (không trong thời gian bị thi hành kỷ luật từ cảnh cáo trở lên).

2.3. Có đủ sức khoẻ để học tập.

2.4. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Trường.

3. CÁC MÔN THI TUYỂN VÀ ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN:

3.1. Các môn thi tuyển:

a) Môn nghiệp vụ chuyên ngành
- Ngành Tài chính - Ngân hàng: Lý thuyết Tiền tệ - Tài chính.

- Ngành Quản lý kinh tế: Quản lý nhà nước về Kinh tế.

- Ngành Quản lý công: Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước.

- Ngành Quản trị kinh doanh: Khoa học quản lý.

- Ngành Kế toán: Lý thuyết Kế toán.

- Ngành Kỹ thuật phần mềm: Lập trình hướng đối tượng.

- Ngành Công nghệ Thông tin: Quản trị cơ sở dữ liệu.

- Ngành Hệ thống thông tin: Quản trị cơ sở dữ liệu.

- Ngành Ngôn ngữ Anh: Kỹ năng thực hành tiếng.

- Ngành Kiến trúc: Vật lý kiến trúc.

b) Môn cơ sở: Kinh tế chính trị học Mác – Lênin/ Lập trình cơ sở/ Lý thuyết ngôn ngữ Anh/ Lịch sử kiến trúc thế giới .

c) Môn Tiếng Anh; Tiếng Trung Quốc (trình độ A2)

Các trường hợp được miễn thi môn Ngoại ngữ:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo ở nước ngoài mà ngôn ngữ học tập là tiếng Anh, được công nhận văn bằng

theo quy định hiện hành.

- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo đề án của Bộ Giáo dục và đào tạo.

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành: Ngôn ngữ Anh.

- Có chứng chỉ trình độ tiếng Anh, bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ tuyển sinh), hoặc tương đương.

3.2. Điều kiện trúng tuyển:

Sau khi cộng điểm ưu tiên (nếu có), thí sinh phải đạt điểm 5 trở lên theo thang điểm 10 hai môn: Nghiệp vụ ngành và Môn cơ sở; Các môn Ngoại ngữ đạt yêu cầu (50 điểm trở lên theo thang điểm 100) mới đủ điều kiện trúng tuyển.

Điểm trúng tuyển lấy từ cao xuống thấp trên cơ sở tổng điểm của hai môn: Nghiệp vụ ngành; Môn cơ sở và chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành.

Nếu tổng điểm của các thí sinh bằng nhau thì sẽ xét đến ưu tiên theo thứ tự:

- Thí sinh là nữ.

- Người có điểm cao hơn của các môn theo thứ tự: Nghiệp vụ ngành; Môn cơ sở; Ngoại ngữ (người được miễn thi hoặc có điểm cao hơn).

4. MỘT SỐ QUY ĐỊNH KHÁC.

4.1. Mỗi thí sinh chỉ được đăng ký dự thi vào một chuyên ngành.

4.2. Các đối tượng và chính sách ưu tiên:

4.2.1. Đối tượng ưu tiên:

Người có thời gian công tác 2 năm liên tục trở lên (tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực I trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái của cơ quan - tổ chức có thẩm quyền;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- Con liệt sĩ ;

- Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động;

- Người thuộc dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực I trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học - được ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

4.2.2. Chính sách ưu tiên:

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng 1 điểm vào kết quả thi (thang điểm 10) cho môn Nghiệp vụ ngành và 10 điểm cho các môn Ngoại ngữ (thang điểm 100).

5. HỒ SƠ TUYỂN SINH :

5.1. Hồ sơ: Theo mẫu quy định (bao gồm cả nội dung ôn tập các môn thi) bán tại Viện Đào tạo Sau đại học của Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội (Số 29A, ngõ 124, Phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội); từ ngày 10/8/2019 đến ngày 15/10/2019.

5.2. Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày 15/8/2019 đến ngày 20/10/2019.

5.3. Học bổ sung kiến thức Chuyển đổi ngành và Ôn thi tuyển sinh:

- Đăng ký học bổ sung kiến thức chuyển đổi ngành từ ngày 15/08/2019 đến ngày 15/09/2019 tại Viện Đào tạo Sau đại học (phòng A405).

- Đăng ký ôn thi tuyển sinh từ ngày 10/08/2019 đến ngày 15/09/2019 tại Viện Đào tạo Sau đại học (phòng A405).

c) Các lớp học bổ sung kiến thức (Viện phối hợp với các Khoa tổ chức lớp học, thi và cấp chứng chỉ) :

- Lớp học bắt đầu từ ngày 20/09/2019 (Xem trên Website : www.hubt.edu.vn)

6. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM THI:

6.1. Thời gian thi tuyển: Hạ tuần tháng 11/2019.

Lịch cụ thể như sau:

- Sáng 23/11/2019: Thí sinh nhận thẻ dự thi, nghe phổ biến quy chế tuyển sinh

- Chiều 23/11/2019: Thi môn Nghiệp vụ chuyên ngành.

- Sáng 24/11/2019: Thi môn Môn cơ sở.

- Chiều 24/11/2019: Thi môn Ngoại ngữ.

6.2. Địa điểm thi tuyển: Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội

Hồ sơ dự thi nộp trực tiếp tại Văn phòng Viện Đào tạo Sau đại học (Phòng A405)- Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội (Số 29A, ngõ 124, Phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội).

Mọi thủ tục chi tiết xin liên hệ với Viện Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội, điện thoại: **024.36339114.**

Lưu ý: Cuối tháng 10/2019, Nhà trường gửi Giấy báo dự thi cho các thí sinh và niêm yết danh sách thí sinh dự thi tại Viện Đào tạo Sau đại học. Nếu có sai sót, thí sinh phải thông báo trực tiếp đến Viện Đào tạo Sau đại học để đính chính trước khi thi.

- **Khi đi thi, thí sinh phải mang theo chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước.** Sau khi thi 30 ngày, Nhà trường sẽ thông báo kết quả thi các môn trên Website: www.hubt.edu.vn và niêm yết kết quả thi tại **Viện Đào tạo Sau đại học.** Khóa học dự kiến được khai giảng vào đầu tháng 12/2019. ■

“Điểm nghẽn” có thể sớm được giải quyết

Theo kết quả của kỳ đánh giá tháng 3/2019, thị trường chứng khoán Việt Nam đã thỏa mãn 7/9 điều kiện tiên quyết để được nâng hạng lên thị trường mới nổi loại 2. Hai tiêu chí chưa thỏa mãn là “Ít có giao dịch thất bại” và “Thanh toán - T+2/T+3”. Trong đợt đánh giá lần này, Việt Nam vẫn chưa đáp ứng được tiêu chí “Thanh toán - T+2/T+3”. Với tiêu chí này, FTSE duy trì đánh giá “còn hạn chế”. Còn đối với tiêu chí “Ít có giao dịch thất bại”, FTSE duy trì ở trạng thái “N/A”, nghĩa là chưa có thông tin để đánh giá. FTSE Russell ghi nhận sự nỗ lực để phát triển và nâng cao thị trường vốn cũng như đánh giá cao sự hợp tác của các cơ quan quản lý thị trường Việt Nam trong 12 tháng qua. Cơ quan xây dựng chỉ số này cho biết, họ sẽ tiếp tục theo dõi sự cam kết này của Việt Nam.

Đối với tiêu chí “Thanh toán - T+2/T+3”, đây là điểm hạn chế của thị trường chứng khoán Việt Nam kể từ khi được vào danh sách theo dõi nâng hạng lên thị trường mới nổi loại 2 hồi tháng 9/2018. Nguyên nhân của sự hạn chế này là bởi, tại Việt Nam, tiền phải có trong tài khoản mới được giao dịch (pre-funding). Theo FTSE Russell, Việt Nam cần tuân theo thông lệ quốc tế: thực hiện nhận cổ phiếu thì trả tiền (Delivery vs Payment - DvP), tức là chỉ cần kiểm tra số dư tiền vào ngày T+2 rồi thực hiện chuyển giao cổ phiếu và thanh toán, thay vì kiểm tra tài khoản và trừ tiền ngay tại thời điểm T+0.

Khoản 2, Điều 7, Thông tư số 203/2015/TT-BTC ngày 21/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch trên thị trường chứng khoán quy định: “Ngoại trừ giao dịch ký quỹ, giao

Thị trường chứng khoán Việt Nam đứng trước cơ hội được nâng hạng lên thị trường mới nổi

□ PHẠM DŨNG - Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Ngày 26/9 vừa qua, đơn vị cung cấp chỉ số FTSE Russell đã công bố kết quả phân hạng thị trường kỳ tháng 9/2019. Theo đó, thị trường chứng khoán Việt Nam tuy chưa chính thức được nâng hạng nhưng vẫn tiếp tục nằm trong danh sách theo dõi nâng hạng từ thị trường cận biên (Frontier Markets) lên thị trường mới nổi loại 2 (Secondary Emerging Markets).

Dòng vốn chảy vào thị trường chứng khoán Việt Nam khi được FTSE nâng hạng

	ETFs	Active fund	Tổng
Số quỹ track theo chỉ số FTSE Emerging Markets hoặc chỉ số mẹ	25	22	47
Tổng số vốn hóa	81,58 tỷ USD	368,23 tỷ USD	449,81 tỷ USD
Quỹ có vốn hóa cao nhất	Vanguard FTSE Emerging Markets ETF (64,57 tỷ USD)	Vanguard Total International Stock Index Fund (345,68 tỷ USD)	Vanguard Total International Stock Index Fund (345,68 tỷ USD)
Dòng vốn chảy vào thị trường chứng khoán Việt Nam (ước tính)	347,91 - 566,73 triệu USD	361,55 - 588,94 triệu USD	709,46 triệu USD - 1,16 tỷ USD

Nguồn: Bloomberg, BVSC tính toán

dịch trong ngày theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Thông tư này, nhà đầu tư chỉ được đặt lệnh mua khi đã ký quỹ đủ tiền trên tài khoản giao dịch chứng khoán. Trường hợp nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký tại ngân hàng lưu ký và mở tài khoản giao dịch tại công ty chứng khoán, nhà đầu tư được đặt lệnh mua và công ty chứng khoán được thực hiện lệnh mua khi có bảo lãnh thanh toán hoặc xác nhận của ngân hàng lưu ký về việc ngân hàng lưu ký chấp nhận yêu cầu thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư”. Như vậy có thể hiểu, nhà đầu tư

tổ chức có tài khoản lưu ký tại ngân hàng lưu ký chỉ cần có bảo lãnh thanh toán hoặc xác nhận của ngân hàng lưu ký là có thể giao dịch, không cần phải có đủ tiền trên tài khoản giao dịch chứng khoán. Tuy nhiên, hiện nay, các thành viên trên thị trường vẫn áp dụng một cách cứng nhắc quy định này và chưa có hướng dẫn cụ thể về việc bảo lãnh thanh toán hay xác nhận của ngân hàng lưu ký, khiến nó trở thành điểm hạn chế trong đánh giá của FTSE. Trong tương lai, những hướng dẫn phù hợp với Thông tư số 203/2015/TT-BTC chắc chắn

sẽ giúp Việt Nam đạt được tiêu chí cuối cùng để có thể được FTSE Russell nâng hạng trong kỳ xem xét tới.

Các dòng vốn lớn sẽ “chảy vào” khi thị trường chính thức được nâng hạng

FTSE Russell cho biết, thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ tiếp tục nằm trong danh sách theo dõi và có thể trở thành thị trường mới nổi loại 2 vào tháng 9/2020 khi đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí.

Khi được FTSE chính thức nâng hạng lên thị trường thứ cấp,

thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ thu hút các dòng vốn lớn từ các quỹ đầu tư ETFs (từ 347 triệu USD đến 566 triệu USD). Ngoài dòng vốn từ các quỹ đầu tư thụ động, thị trường còn hấp dẫn các khoản đầu tư từ các quỹ đầu tư chủ động (từ 361 triệu đến 588 triệu USD).

Theo quan sát dựa trên thị trường chứng khoán của các quốc gia đã được nâng hạng lên thị trường mới nổi trong quá khứ, thông thường thị trường chứng khoán được nâng hạng sẽ tăng điểm mạnh trong khoảng 6 tháng trước khi được nâng hạng chính thức. Diễn biến này là do các quỹ đầu tư chủ động không bị ràng buộc về việc phải chờ chỉ số FTSE/MSCI Emerging Markets thay đổi cấu trúc như các quỹ ETFs và họ có thể đã tiến hành giải ngân trước nhằm đón đầu xu hướng được nâng hạng tại một quốc gia.

Với sự cải thiện không ngừng về mặt quy mô và chất lượng, thị trường chứng khoán Việt Nam đang đứng trước cơ hội lớn là được nâng hạng lên thị trường mới nổi. Việc nâng hạng sẽ giúp thị trường Việt Nam thu hút thêm nhiều nhà đầu tư và quỹ mới. Theo đó, dòng tiền ngoại chảy vào thị trường sẽ không chỉ dừng ở việc bám theo các chỉ số của FTSE và MSCI, các quỹ còn có thể tự xây dựng chỉ số hoặc đầu tư thông qua các chỉ số hiện có của Việt Nam như: VN30, VN50, VN100. ■

Thị trường condotel là kết quả của 3 thị trường quan trọng gồm thị trường bất động sản (BDS), thị trường tài chính và thị trường du lịch. Thông qua condotel, chủ đầu tư dự án BDS có thêm một lĩnh vực kinh doanh mới với những sản phẩm BDS “lai ghép” giữa căn hộ và phòng khách sạn, vừa phù hợp với sự phát triển của du lịch, đặc biệt là địa bàn ven biển, vừa phát huy kinh nghiệm đã tích lũy được sau nhiều năm về kinh doanh phát triển, quản lý căn hộ chung cư của nhiều chủ đầu tư BDS trong bối cảnh một số phân khúc thị trường BDS có dấu hiệu bão hòa và mật độ tập trung quá lớn tại các đô thị truyền thống. Nhà đầu tư condotel bị thu hút bởi một sản phẩm BDS mới có khả năng sinh lời không chỉ trên thị trường sơ cấp mà còn được trực tiếp tham gia thị trường cho thuê và cho thuê lại condotel đây hứa hẹn thông qua cam kết của chủ đầu tư và triển vọng phát triển mạnh mẽ của thị trường du lịch Việt Nam, đồng thời còn có những điều kiện bổ sung thỏa mãn nhu cầu du lịch của chính nhà đầu tư. Sức hấp dẫn của phân khúc condotel tăng lên gấp bội khi có sự hỗ trợ tích cực của các định chế tài chính, nhất là tín dụng từ nhiều

Sớm ban hành...

ngân hàng thương mại (NHTM) lớn có uy tín. Đến lượt mình, người sử dụng sản phẩm condotel có thêm lựa chọn lưu trú cho các chuyến du lịch của mình với giá cả hợp lý, tiện ích khác biệt so với lưu trú tại khách sạn, nhà nghỉ... truyền thống, phù hợp với nhu cầu đa dạng của khách du lịch trong và ngoài nước. Nói cách khác, condotel là một trong những sản phẩm tiêu biểu nhất của mô hình kinh tế chia sẻ khi tối ưu hóa sử dụng nguồn lực và thỏa mãn nhu cầu của cả chủ đầu tư, nhà đầu tư và người sử dụng.

Do condotel là sản phẩm “lai ghép” giữa căn hộ và phòng khách sạn với đặc trưng của mô hình kinh tế chia sẻ nên nhiều quy định có liên quan thiếu rõ ràng, đặc biệt là liên quan đến quản lý nhà nước đối với dự án condotel như là đối với dự án chung cư hay dự án khách sạn và đặc biệt là quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia gắn với quy trình giao đất, cho thuê đất, cấp quyền sử dụng đất, quyền khai thác, phân chia lợi ích, quyền cư trú... Theo đó, cơ

quan quản lý nhà nước đã lúng túng trong ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để thị trường condotel có thể phát triển đúng hướng, hợp pháp theo cả chiều rộng và chiều sâu, đóng góp tích cực vào sự phát triển của thị trường BDS, thị trường du lịch nói riêng và nền kinh tế nói chung. Rõ ràng, sự chậm trễ trong ban hành khung pháp lý cho condotel chứng tỏ bộ máy quản lý còn chậm phản ứng với những yêu cầu mới của cuộc sống và sự phát triển kinh tế - xã hội, nhất là đối với những vấn đề mới có tính liên ngành, liên lĩnh vực.

Khuôn khổ pháp lý cho condotel nói riêng, cho các sản phẩm BDS lai ghép khác nói chung cần sớm được ban hành, tránh tình trạng ùn đứ, thậm chí né tránh như hiện nay vì đó là đòi hỏi của cuộc sống. Với thực trạng hệ thống văn bản pháp lý và quản lý nhà nước như hiện nay thì có rất nhiều việc phải làm và làm ngay, nhưng quan trọng và cấp bách nhất là xác định rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về

BDS. Đồng thời, đã đến lúc chúng ta cần từ bỏ phương thức quản lý nhà nước về BDS theo mục đích sử dụng như hiện nay sang quản lý theo tính chất của BDS, chẳng hạn, quản lý một căn nhà theo vị trí, diện tích, giá trị, chất lượng, sở hữu thay vì quản lý theo phân biệt nhà để ở, nhà bỏ trống, nhà cho thuê, làm văn phòng, làm kho... vì sẽ có vô vàn mục đích sử dụng mà cơ quan quản lý không thể theo kịp và quản lý nổi. Theo đó, khung pháp lý về condotel phải chỉ rõ quyền và trách nhiệm của chủ đầu tư, nhà đầu tư và người sử dụng trong suốt quá trình hình thành, tồn tại, khai thác đến xóa bỏ một sản phẩm condotel đồng thời có cơ chế minh bạch, khả thi và hiệu quả xử lý xung đột lợi ích giữa các bên liên quan đến condotel, nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ trên cơ sở quy định của pháp luật, đặc biệt liên quan đến các quyền cơ bản như: quyền sở hữu (sở hữu chung, riêng), quyền sử dụng, quyền cho thuê, cho thuê lại và quyền thuê. Có như vậy, thị trường condotel mới có điều kiện và cơ sở để phát triển một cách bền vững, theo đó, các bên liên quan đều yên tâm và mạnh dạn tham gia thị trường condotel một cách hợp pháp. ■

(Tiếp theo trang 1)

Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức về phát triển kinh tế

Những năm gần đây, quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Song hành với quá trình đổi mới này, việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách tài chính đã luôn được chú trọng, góp phần khơi thông, động viên cũng như định hướng, chuyển tải các nguồn lực tài chính của xã hội để phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế; hình thành các động cơ, đòn bẩy đối với các hoạt động tiêu dùng, tiết kiệm và đầu tư; góp phần duy trì sự ổn định của nền kinh tế. Nhờ đó, bình quân giai đoạn 2011-2015, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đạt 5,91%, giai đoạn 2016-2018 đạt trên 6,7%, đặc biệt, năm 2018 tốc độ này đạt tới 7,08%. Cùng với đó, chất lượng tăng trưởng cũng được cải thiện, quá trình chuyển dịch cơ cấu trong từng ngành đã gắn nhiều hơn với các yêu cầu về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xuất khẩu trở thành động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế, các nền tảng về kinh tế vĩ mô được củng cố...

Tuy nhiên, Việt Nam cũng đang phải đối mặt với không ít thách thức, như: kinh tế phát triển chưa bền vững, tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp so với tiềm năng và thấp hơn nhiều nước trong khu vực. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhất là quá trình chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn chậm; sự hợp tác, liên kết trong phát triển công nghiệp, liên kết vùng còn yếu, vai trò của các vùng động lực tăng trưởng có xu hướng giảm; xuất khẩu được mở rộng nhưng mức độ tham gia của các DN trong nước vào chuỗi giá trị toàn cầu còn rất thấp. Lĩnh vực xuất khẩu ngày càng phụ thuộc vào các DN FDI; sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, năng suất lao động chậm được cải thiện và còn khoảng cách lớn so với nhiều nước...

Bên cạnh đó, hệ thống chính sách tài chính cũng đã nổi cộm một số vấn đề, như: thiếu cơ chế đồng bộ để huy động hiệu quả nguồn lực cho việc đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và phát triển các yếu tố tiền đề có liên quan đến quá trình này. Dự địa nguồn lực tài chính công bị thu hẹp trong khi nhu cầu đầu tư cho phát triển cơ sở hạ tầng, mức độ tích lũy của NSNN cho đầu tư phát triển giảm so với giai đoạn trước. Việc phân bổ, sử dụng nguồn lực chậm được cải thiện, nhất là nguồn lực công. Chính sách tài chính chưa phát huy

Chính sách tài chính cần được điều chỉnh như thế nào để vượt qua thách thức?

□ ThS. TRƯƠNG BÁ TUẤN và ThS. ĐÀO MAI PHƯƠNG - Viện Chiến lược và Chính sách tài chính, Bộ Tài chính

Trong trung và dài hạn, việc có thể đối mặt với một số thách thức về phát triển kinh tế sẽ khiến Việt Nam phải tiếp tục thực hiện chương trình cơ cấu lại tài chính toàn diện, bao gồm việc cải cách hệ thống thuế, nâng cao hiệu quả chi NSNN, tạo dựng không gian tài khóa lớn hơn cho ngân sách T.U...



Ảnh: MINH THÁI

được hiệu quả trong việc hình thành các cơ chế tạo động lực để từ đó thúc đẩy quá trình đổi mới kinh tế, cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực theo định hướng ưu tiên. Việc đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách T.U đang đứng trước nhiều thách thức, cơ chế phân cấp ngân sách bộc lộ nhiều bất cập nên chưa phát huy được vai trò của các vùng động lực, các trung tâm kinh tế lớn...

Cần làm gì để vượt qua thách thức?

Muốn vượt qua những thách thức trên, Việt Nam phải có giải pháp mới, đồng bộ và có sự quyết tâm cao trong quá trình thực hiện. Cụ thể:

Nhà nước cần đẩy mạnh việc hoàn thiện khuôn khổ thể chế về tài chính, kiên định với các mục tiêu đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, an ninh, an toàn nền tài chính công, qua đó tạo ra các nền tảng vững chắc cho quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng; nên tập trung thực hiện có hiệu quả vai trò kiến tạo, xây dựng hệ thống động lực để hỗ trợ

cho thị trường huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực; rà soát và loại bỏ các rào cản trong việc tiếp cận các cơ hội kinh doanh; chủ động điều chỉnh thể chế tài chính để khắc phục có hiệu quả khoảng trống về chính sách đối với các mô hình kinh doanh mới.

Việc huy động, phát triển các nguồn lực để đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng phải được tăng cường một cách hiệu quả. Tiếp tục thực hiện tổng thể việc cải cách hệ thống thuế, mở rộng cơ sở thuế, chống xói mòn nguồn thu, đặc biệt là từ khu vực kinh tế phi chính thức, các hoạt động thương mại điện tử, không lỏng ghép chính sách xã hội trong chính sách thuế; có chính sách động viên vào NSNN các nguồn thu tiềm năng như thuế bất động sản, hình thành các nguyên tắc ứng xử phù hợp trong việc sử dụng nguồn thu từ thoái vốn nhà nước; đẩy mạnh việc hoàn thiện khung pháp lý, đưa thị trường chứng khoán trở thành kênh huy

động vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế, đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa thị trường vốn và thị trường tiền tệ, tín dụng...

Vấn đề chi NSNN cần tiếp tục thực hiện cơ cấu lại; cải cách căn bản phương thức quản lý để đảm bảo phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực NSNN, phát huy vai trò là nguồn vốn môi trong việc thu hút các nguồn lực xã hội. Đẩy mạnh việc phân bổ NSNN theo hướng gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ; thực hiện chương trình đánh giá chi tiêu ngân sách toàn diện, xác định rõ các lĩnh vực cần điều chỉnh hay cắt giảm; thực hiện một cách thực chất khuôn khổ ngân sách trung hạn, xóa bỏ sự chia cắt trong phân bổ nguồn lực chi đầu tư và chi thường xuyên.

Cơ chế phân cấp và mối quan hệ tài khóa giữa các cấp ngân sách cũng cần được nghiên cứu, đổi mới. Các cơ quan quản lý phải chủ động có giải pháp để đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách T.U theo quy định trên giác độ thu và chi, đảm bảo ngân sách T.U tiếp cận được đầy đủ nguồn lực cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ chi NSNN theo phân định. Ngân sách T.U cần được đảm bảo có đủ dự địa để thực hiện "quyền lực tài khóa" trong hệ thống ngân sách; đổi mới phương thức phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách của các cấp chính quyền; khắc phục triệt để tình trạng chia cắt nguồn lực công.

Hệ thống tài chính phải đảm bảo sự an toàn, ổn định để hỗ trợ có hiệu quả quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tài chính, ngân sách thống nhất, tin cậy, minh bạch và phù hợp với thông lệ quốc tế để tạo thuận lợi cho công tác quản lý, phân tích và dự báo. Nhà nước phải quản lý chặt chẽ sự gia tăng của nợ công; hình thành cơ chế ứng xử phù hợp với các khoản thu có tính chất một lần, thu từ tài nguyên, đất đai, các khoản thu từ vốn; hạn chế tối đa việc sử dụng các khoản tăng thu ngân sách đột biến và coi đó là nguồn để hình thành các chế độ chi ngân sách mới...

THUY ANH (ghi)

Ngành hải quan thu ngân sách đạt 261.900 tỷ đồng

Tổng cục Hải quan (Bộ Tài chính) cho biết, ước thu tháng 9/2019 đạt 26.000 tỷ đồng đã đưa tổng số thu thuế xuất nhập khẩu lũy kế từ đầu năm đến hết tháng 9 ước đạt 261.900 tỷ đồng, bằng 87,2% dự toán, bằng 83% chỉ tiêu phân đấu, tăng 15,7% so với cùng kỳ.

Số thu ngân sách của ngành tăng khá so với cùng kỳ là do hoạt động xuất nhập khẩu 9 tháng dự kiến đạt 382,72 tỷ USD, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, tổng trị giá xuất khẩu ước đạt 194,3 tỷ USD, tăng 8,2% và tổng trị giá nhập khẩu ước đạt 188,42 tỷ USD, tăng 8,9%. ■

MINH ANH

Hơn 102.000 doanh nghiệp thành lập mới trong 9 tháng

Theo Tổng cục Thống kê, số DN thành lập mới 9 tháng năm 2019 tiếp tục lập kỷ lục mới với gần 102.300 DN, tổng vốn đăng ký là trên 1,2 triệu tỷ đồng, tăng 5,9% về số DN và tăng 34% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ

năm 2018. Cùng với đó, vốn đăng ký bình quân cũng tăng mạnh tới 26,6%, đạt 12,6 tỷ đồng/DN - mức cao nhất trong những năm trở lại đây.

Nếu tính cả 1,73 triệu tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của các DN thay đổi tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung thêm vào nền kinh tế trong 9 tháng là trên 3 triệu tỷ đồng. Bên cạnh đó, còn có 27.600 DN quay trở lại hoạt động, tăng 20,5% so với cùng kỳ năm 2018, nâng tổng số DN đăng ký thành lập mới và DN quay trở lại hoạt động lên hơn 129.800 DN. Tổng số lao động đăng ký của các DN thành lập mới trong 9 tháng là 929.800 người, tăng 13,4% so với cùng kỳ năm 2018. ■

P.KHANG

Xuất khẩu nông - lâm - thủy sản đạt trên 30 tỷ USD

Thông tin từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu nông - lâm - thủy sản 9 tháng năm 2019 ước đạt 53,2 tỷ USD. Trong đó, xuất khẩu đạt khoảng 30,02 tỷ USD, tăng 2,7% so với cùng kỳ; kim ngạch nhập khẩu ước đạt 23,16 tỷ USD, giảm 0,7%. Như vậy, thặng dư thương mại nông - lâm - thủy

sản đạt 6,86 tỷ USD, cao hơn 957 triệu USD so với cùng kỳ năm trước. Tăng trưởng xuất khẩu 9 tháng chủ yếu đạt được từ tăng giá trị xuất khẩu lâm sản chính đạt 7,93 tỷ USD, tăng 18%; xuất khẩu chăn nuôi ước đạt 0,53 tỷ USD, tăng 8,6%. ■

LÊ HÒA

Nhiều thay đổi trong Quy chế UPCoM mới ban hành

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vừa ban hành Quy chế Tổ chức và quản lý thị trường giao dịch chứng khoán chưa niêm yết (Quy chế UPCoM).

Theo đó, các nội dung sửa đổi, bổ sung chính của Quy chế mới bao gồm: thị trường, đối tượng, hồ sơ đăng ký giao dịch; việc chấp thuận giao dịch đối với cổ phiếu chuyển từ niêm yết sang UPCoM; trình tự, thủ tục thay đổi đăng ký giao dịch đối với DN cổ phần hóa; hủy đăng ký giao dịch... Ngoài ra, Quy chế còn bổ sung phụ lục ký hiệu các trạng thái chứng khoán trong ngày giao dịch nhằm thống nhất với quy chế giao dịch chứng khoán niêm yết, cũng như giúp nhà đầu tư theo dõi các trạng thái chứng khoán trên bảng điện tử được dễ dàng hơn. ■

XUÂN HỒNG

Tin tức

Tôn vinh tổ chức, cá nhân tích cực ủng hộ Quỹ “Vi người nghèo”

Ngày 01/10, tại Hà Nội, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và Ủy ban T.Ư Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã tổ chức gặp mặt, biểu dương các DN, cá nhân tích cực vận động, ủng hộ Quỹ “Vi người nghèo” và an sinh xã hội trong 3 năm 2017-2020.

Theo số liệu của Ủy ban T.Ư Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trong 9 năm qua, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đã ủng hộ người nghèo trên 50.000 tỷ đồng để giúp đỡ họ khắc phục khó khăn trong cuộc sống, vươn lên thoát nghèo. Đề ghi nhận những đóng góp của các tổ chức, cá nhân, Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen cho 12 tập thể và cá nhân có nhiều thành tích trong việc ủng hộ, vận động ủng hộ Quỹ “Vi người nghèo”. Ủy ban T.Ư Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tặng Bằng khen cho 29 tập thể và 30 cá nhân đã có nhiều thành tích trong việc ủng hộ, tuyên truyền, vận động ủng hộ Quỹ “Vi người nghèo” và an sinh xã hội. ■

PHÓ HIẾN

Đặt hàng đào tạo 300 chỉ tiêu

chuyên ngành văn hóa nghệ thuật đặc thù

Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam vừa giao Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định lựa chọn việc giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng đào tạo 300 chỉ tiêu thuộc một số ngành, chuyên ngành văn hóa nghệ thuật đặc thù, truyền thống khó tuyển sinh, đang thiếu nhân lực (do NSNN bảo đảm 100% kinh phí đào tạo) theo đúng quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ; bảo đảm thực hiện việc tuyển sinh từ năm học 2020-2021.

Đây cũng là một trong những nội dung của Đề án Đặt hàng đào tạo các ngành thuộc lĩnh vực văn hóa nghệ thuật giai đoạn 2019-2030, tầm nhìn đến năm 2035 đang được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng. Các lĩnh vực đặt hàng đào tạo gồm: âm nhạc, mỹ thuật, sân khấu, điện ảnh, múa, xiếc, văn hóa, văn học. Đề án dự kiến bắt đầu triển khai từ năm 2019 và kết thúc vào năm 2030. ■

LỘC NGUYỄN

Ký ức Hà Nội - 65 năm

Đây là tên gọi của chuỗi hoạt động văn hóa nghệ thuật do Ban Quản lý phố cổ Hà Nội phối hợp với một số tổ chức, cá nhân thực hiện tại không gian tranh bích họa phố Phùng Hưng, nhân dịp kỷ niệm 65 năm Ngày Giải phóng Thủ đô (10/10/1954 - 10/10/2019), diễn ra từ ngày 03 - 11/10.

Ban Tổ chức sẽ tái hiện lại hình ảnh Hà Nội năm 1954 trên phố tranh bích họa Phùng Hưng bằng mô hình, giới thiệu đoàn quân Hà Nội tiến về Thủ đô; dựng bối cảnh của Hà Nội vào những ngày tháng 10/1954 với các ụ pháo, hầm đạn, hầm chỉ huy, xe tải, quây hoa đón chào bộ đội... Đặc biệt, 200 thành viên trong đoàn quân nhạc và diễn viên, sinh viên tái hiện cảnh đoàn quân tiến về Hà Nội, nhân dân vẫy hoa chào đón bộ đội. ■

NGUYỄN VŨ

Hàng loạt doanh nghiệp xuất khẩu lao động

Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội vừa quyết định xử phạt 6 DN xuất khẩu lao động vì vi phạm các quy định trong việc đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Tổng số tiền phạt là 450 triệu đồng.

Cụ thể, các vi phạm gồm: không thực hiện phương án tổ chức bộ máy hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo quy định; thực hiện không đầy đủ việc bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định; không đóng Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước theo quy định; không cấp Giấy chứng nhận tham gia Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước cho người lao động theo quy định; không cam kết với người lao động về thời gian chờ xuất cảnh sau khi người lao động trúng tuyển đi làm việc ở nước ngoài. ■

PHÓ HIẾN

Theo thống kê, tình hình lao động, việc làm trong 9 tháng năm 2019 đã có nhiều chuyển biến tích cực, như số người có việc làm tăng, tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm giảm dần. Mặc dù vậy, những chuyển biến này là chưa đủ để thúc đẩy vấn đề tăng năng suất lao động, khi mức thu nhập của người lao động còn thấp và có sự chênh lệch lớn trong cơ cấu các khu vực, ngành nghề.

Có chuyển dịch, nhưng còn chậm

Theo Tổng cục Thống kê, trong quý III/2019, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước ước tính là 55,7 triệu người, tăng 263.800 người so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2019, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 55,5 triệu người, tăng 310.900 người

học là 5 triệu đồng/tháng; lao động chưa từng đi học là 4,2 triệu đồng/tháng.

Những con số này cũng cho thấy thu nhập bình quân của người lao động không ngừng tăng lên qua các năm. Điều này cũng phản ánh năng suất lao động của Việt Nam đang từng bước được cải thiện. Theo ông Nguyễn Anh Tuấn - Viện trưởng Viện Năng suất Việt Nam, Việt Nam hiện đang là nước có tốc độ tăng năng suất lao động nhanh trong khu vực, tuy nhiên, năng suất lao động của nước ta vẫn thấp hơn nhiều so với một số nước cùng khu vực. Điều này cho thấy, dù tốc độ tăng nhanh nhưng mức tăng năng suất giữa các khu vực, ngành nghề còn có sự chênh lệch lớn.

Một trong những nguyên nhân khiến năng suất lao động của Việt Nam thấp được nhiều chuyên gia chỉ ra là

Bức tranh lao động, việc làm có nhiều chuyển biến, nhưng còn chậm

□ *Bài và ảnh:* NGUYỄN LỘC

so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc là 54,4 triệu người, bao gồm 19,1 triệu người đang làm việc ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, chiếm 35% tổng số (giảm 3,2% so với cùng kỳ năm trước); khu vực công nghiệp và xây dựng 15,9 triệu người, chiếm 29,2% (tăng 2,6%); khu vực dịch vụ 19,4 triệu người, chiếm 35,8% (tăng 0,6%).

Trong 9 tháng năm 2019, tỷ lệ thất nghiệp chung là 1,99%, trong đó, khu vực thành thị là 2,94%; khu vực nông thôn là 1,52%. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi ước tính là 1,32%, trong đó, tỷ lệ thiếu việc làm khu vực thành thị là 0,73%; tỷ lệ thiếu việc làm khu vực nông thôn là 1,63%.

Nhìn vào những con số thống kê vừa được công bố, nhiều chuyên gia trong lĩnh vực lao động, việc làm cho rằng, bức tranh lao động, việc làm đã có nhiều chuyển biến tích cực. Số lao động tham gia thị trường lao động và có việc làm tăng lên, số thất nghiệp giảm. Đặc biệt, cơ cấu lao động phân bổ ở các khu vực kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng giảm ở khu vực nông, lâm, ngư nghiệp và tăng lên ở các khu vực khác. Tuy nhiên, tốc độ chuyển dịch nhìn chung còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của nền kinh tế.

Theo TS. Nguyễn Lê Minh - nguyên Phó Vụ trưởng, Phó ban Chương trình Quốc gia về việc làm, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, tỷ lệ lao động ở khu vực nông, lâm, ngư nghiệp có giảm nhưng vẫn chiếm số lượng cao nhất trong cơ cấu lao động, với 35%. Đáng chú ý, dù tập trung đông lao động nhất song trong cơ cấu nền kinh tế 9 tháng, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chỉ chiếm tỷ trọng 13,2% GDP. Trong khi đó, tỷ lệ tăng lao động trong khu vực dịch vụ lại khá thấp, chỉ tăng 0,6% so với cùng kỳ, dù khu vực này chiếm tới 42,74% GDP. “Những mức tăng này cho thấy sự chuyển biến dường như còn chậm, chưa thể hiện đúng tinh thần cải cách, đổi mới mà Chính phủ đang nỗ lực thực hiện” - TS. Minh nói.

Năng suất lao động cần tiếp tục cải thiện

Tính chung 9 tháng năm 2019, thu nhập bình quân tháng của lao động làm công hưởng lương ước tính là 6,71 triệu đồng/tháng, trong đó, thu nhập của lao động nam là 7,1 triệu đồng/tháng, lao động nữ là 6,2 triệu đồng/tháng. Thu nhập bình quân tháng từ công việc làm công hưởng lương của lao động có trình độ trên đại học trở lên là 9,3 triệu đồng/tháng, tăng gần 1,1 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước; lao động chưa học xong tiểu



Nâng cao chất lượng lao động vẫn là giải pháp quan trọng để cải thiện năng suất lao động

do việc chuyển đổi cơ cấu lao động còn chậm. Đến hết quý III/2019, nước ta vẫn còn hơn 19,1 triệu lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản. Đây là khu vực có năng suất lao động thấp nhất, đến năm 2018 đạt 39,8 triệu đồng/lao động, chỉ bằng 39% năng suất lao động của toàn nền kinh tế. Trong khi đó, ở các nước ASEAN, năng suất lao động khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản của Malaysia gấp 11,9 lần của Việt Nam; Indonesia gấp 2,4 lần; Thái Lan gấp 2,1 lần... Do đó, kinh tế Việt Nam sẽ phải đối mặt với thách thức rất lớn trong thời gian tới để rút ngắn mức tăng năng suất lao động so với các nước.

Theo các chuyên gia, một giải pháp hữu hiệu để tăng năng suất lao động là nâng cao trình độ người lao động. TS. Vũ Xuân Hùng (Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp) cho rằng, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo còn thấp, lao động trình độ cao rất hạn chế, từ đó dẫn đến mức thu nhập của lao động đã qua đào tạo và lao động chưa qua đào tạo vừa được công bố cho thấy mức chênh lệch rất lớn. “Điều đáng tiếc là trong khi Nhà nước đang đẩy mạnh công tác giáo dục nghề nghiệp thì nhận thức của xã hội, nhu cầu học nghề của người học vẫn chưa đáp ứng yêu cầu” - TS. Hùng cho biết.

Từ thực trạng trên, nhiều chuyên gia cho rằng, cùng với những giải pháp điều chỉnh mang tính vĩ mô của Chính phủ, nội tại của mỗi ngành cần có sự điều chỉnh phù hợp, kịp thời để hướng lao động đến khu vực có tính kinh tế cao hơn; tăng cường đào tạo nâng cao chất lượng nguồn lao động, hướng đến một thị trường lao động cạnh tranh, từ đó tạo cơ sở để nâng cao năng suất lao động. ■

TIN VĂN

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang xây dựng Dự thảo Thông tư quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, trong đó quy định việc thi công phải bảo tồn các yếu tố gốc cấu thành di tích, bảo vệ cấu kiện, thành phần kiến trúc.

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang dự

thảo Thông tư ban hành Danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.

- Tính đến hết tháng 9/2019, khách du lịch quốc tế đến Hà Nội ước đạt 4,7 triệu lượt khách, tăng 10,1% so với cùng kỳ năm trước; khách du lịch nội địa ước đạt 16,8 triệu lượt khách, tăng 9,3% so với cùng kỳ năm trước. Tổng thu từ du lịch ước đạt 74.736 tỷ đồng, tăng 30,9% so với cùng kỳ năm trước. ■ **NGUYỄN LỘC**

Tin tức

Biệt phái hỗ trợ các SAI hoạt động

Vừa qua, Tổ chức Các cơ quan Kiểm toán tối cao (SAI) Thái Bình Dương đã hợp tác với Chính phủ Australia và New Zealand thực hiện thỏa thuận cử nhân sự hỗ trợ hoạt động của các SAI trong khu vực. Quần đảo Solomon là SAI đầu tiên được đón một Phó Giám đốc Dịch vụ kiểm toán và đảm bảo biệt phái từ New Zealand đến hỗ trợ trong 3 năm. Tổng Kiểm toán Solomon hy vọng sau 3 năm, SAI sẽ thu được nhiều kết quả nổi bật. ■

(Theo PASAI)

Nam Phi: Kiểm toán nhiều lĩnh vực tại Alexandra

Sau nhiều cuộc biểu tình của dân chúng tại thị trấn Alexandra, tỉnh Gauteng hồi tháng 4/2019, vừa qua, Văn phòng Tổng Kiểm toán Nam Phi đã tiến hành điều tra một loạt vấn đề nhà ở, điện, nước, vệ sinh môi trường, giao thông... tại đây. Văn phòng cũng đang tiến hành điều tra cáo buộc tham nhũng Dự án Phát triển Alexandra trị giá gần 85,5 triệu USD và sẽ sớm công bố báo cáo cuối cùng. ■

(Theo Groundup)

Anh: PwC giành Giải thưởng Hãng kiểm toán của năm

Ngày 24/9, Giải thưởng Kế toán, kiểm toán lần thứ 9 năm 2019 đã được tổ chức với quy mô lớn tại Vương quốc Anh, thu hút hơn 800 khách tham dự. PwC vinh dự nhận Giải thưởng Hãng kiểm toán quốc tế và Ngôi sao tiềm năng của năm. Hai giải thưởng lớn thể hiện những cống hiến lớn lao của PwC tại Anh trong suốt một năm qua. ■

(Theo Accountancyage)

Tin vắn

►► Từ ngày 16 - 18/10, Đại hội Tổ chức Các cơ quan Kiểm toán tối cao Mỹ Latinh và vùng Caribe (OLACEFS) sẽ được tổ chức tại nước Cộng hòa El Salvador (Trung Mỹ). ■

(Theo INTOSAI)

►► Hội nghị Young EUROSAI lần thứ 4 sẽ diễn ra tại Thủ đô London (Anh) từ ngày 04 - 07/11 với chủ đề “Đảm bảo các Tổ chức Kiểm toán tối cao vẫn hợp tác chặt chẽ trong nhiều bối cảnh thay đổi nhanh chóng”. ■

(Theo EUROSAI)

►► Trong 3 ngày (12 - 14/11), Đại hội Tổ chức Các cơ quan Kiểm toán tối cao Ả Rập lần thứ 13 sẽ diễn ra tại Thủ đô Doha, Qatar. ■

(Theo INTOSAI)

YẾN NHI

HOA KỲ:

Hàng loạt sai phạm tại Cơ quan Đăng kiểm xe cơ giới Massachusetts

□ THANH XUYỀN

Mới đây, Hãng kiểm toán Grant Thornton (GT) đã công bố một Báo cáo kiểm toán trong đó chỉ ra rằng, Cơ quan Đăng kiểm xe cơ giới (RMV) bang Massachusetts đã để xảy ra nhiều vi phạm, thiếu sót lớn trong hầu hết mọi hoạt động.

Quản lý hồ sơ lái xe lỏng lẻo

Ngày 21/6 vừa qua, một vụ tai nạn nghiêm trọng đã xảy ra tại bang New Hampshire, 7 người lái xe máy đã thiệt mạng và nhiều người khác bị thương khi va chạm với một chiếc xe bán tải đang đi ngược chiều. Sau vụ tai nạn nghiêm trọng trên, các nhân viên của RMV bang Massachusetts mới vội vàng tiến hành kiểm tra hồ sơ lái xe của những người có liên quan đến vụ việc và xử lý hàng chục nghìn trường hợp vi phạm tồn đọng khác.

Các nhà lập pháp bang Massachusetts đã mở một cuộc điều tra, đồng thời, Sở Giao thông vận tải bang Massachusetts cũng thuê GT tiến hành cuộc kiểm toán này nhằm xem xét các hoạt động tổng quan của RMV cũng như đánh giá năng lực quản lý, giám sát của Ban Lãnh đạo Cơ quan. GT cho biết, sau quá trình kiểm tra kỹ lưỡng, Hãng đã phát hiện ra một loạt sai phạm, thiếu sót tại RMV. Đặc biệt, GT cho biết, Ban Lãnh đạo RMV có dấu hiệu buông lỏng quản lý khi suốt một thời gian dài không thực hiện kiểm tra sát sao các hoạt động của Cơ quan và chỉ đạo nhân viên giải quyết các công việc tồn đọng một cách triệt để.

Báo cáo kiểm toán cũng lần đầu tiên chỉ ra một vấn đề bất cập rằng, tại sao ông Volodymyr Zhukovskyy, người tài xế lái chiếc xe bán tải trong vụ tai nạn ở New Hampshire, vẫn được phép sử dụng các phương tiện xe cơ giới? Mặc dù trước đó, ngày 11/5, ông đã bị bắt giữ ở bang Connecticut sau khi chống đối lực lượng cảnh sát kiểm tra nồng độ cồn trong hơi thở, ông này bị buộc tội sử dụng bia, rượu khi lái xe. Thậm chí, năm 2013, Zhukovskyy cũng từng bị bắt vì lái xe trong tình trạng say rượu. Nguyên nhân được lý giải là do sự việc người vi phạm xảy ra ngoài bang Massachusetts nên RMV đã không xử lý. Hồ sơ lái xe của ông Zhukovskyy cũng như vô số hồ sơ khác không được RMV cập nhật thường xuyên trong nhiều năm qua. RMV hầu như không giải quyết, xử phạt các thông báo vi phạm pháp luật giao thông được gửi đến từ các bang khác. Một loạt vấn đề bất cập trong các hoạt động của RMV bị phanh phui khiến lãnh đạo Cơ quan Erin Deveney đã phải xin từ chức.

Yếu kém trong quản lý rủi ro, có dấu hiệu tham ô, gian lận

Báo cáo kiểm toán của GT cũng chỉ ra nhiều vấn đề bất cập khác tại Cơ quan này như: công tác giám sát hoạt động của hệ thống xe buýt trường học vô cùng lỏng lẻo; nhiều trường hợp thanh toán, giao dịch có dấu hiệu tham ô tiền mặt; gian lận trong công tác cấp giấy phép, giấy chứng nhận. Trong nhiều năm qua, Phòng Kiểm soát lái xe của RMV được giao



Cơ quan Đăng kiểm xe cơ giới Massachusetts từng để xảy ra nhiều sai phạm *Ảnh: Wikimedia7*

nhệm vụ xử lý các thông báo vi phạm luật giao thông ngoài Tiểu bang, tuy nhiên, đơn vị này đã để tồn đọng hàng loạt trường hợp từ năm 2008 mà không xử lý.

Ban Lãnh đạo RMV không chú trọng cập nhật hệ thống máy tính tại các phòng, ban; không cập nhật những công cụ mới, kỹ năng; năng lực của nhân viên cũng không được đào tạo để có thể sử dụng các trang, thiết bị mới, trong khi khối lượng công việc, số lượng dữ liệu, hồ sơ cần lưu trữ ngày càng tăng cao. Do đó, nhiều hồ sơ bị tồn đọng hơn 10 năm vẫn chưa được xử lý. Khi được trang bị một số hệ thống và phần mềm máy tính mới, Cơ quan đã không cập nhật các hồ sơ tồn đọng khiến một khối lượng công việc khổng lồ vẫn nằm trong những thùng giấy xếp trong kho lưu trữ.

Các kiểm toán viên đặc biệt chỉ trích công tác quản lý rủi ro vô cùng yếu kém, lỏng lẻo tại RMV. Các lãnh đạo Cơ quan không chú trọng đến việc xác định, đánh giá và ứng phó với những rủi ro có thể xảy ra. Các ủy ban và các phòng, ban chức năng khác cũng không hoàn thành nhiệm vụ vạch ra các quy trình vận hành tiêu chuẩn, giám sát sự tuân thủ của nhân viên cấp dưới. Phòng Kiểm toán nội bộ cũng không tiến hành đánh giá mức độ hoạt động của tổ chức một cách khách quan.

Đây không phải là lần đầu tiên kiểm toán phát hiện ra những sai phạm nghiêm trọng tại RMV. Nhiều năm trước đó, Cơ quan này từng bị chỉ trích thường xuyên vì phạm các quy định của pháp luật dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng, nhiều lãnh đạo của RMV đã phải từ chức. Tuy nhiên, các lãnh đạo mới lên nắm quyền vẫn chưa thể tìm ra các biện pháp hiệu quả nhằm giải quyết triệt để những tồn đọng của Cơ quan.

GT cho biết, sau khi công bố những phát hiện, sai phạm nghiêm trọng tại RMV, Hãng đã trao đổi với Ban Lãnh đạo lâm thời của Cơ quan. Lãnh đạo RMV đã trình bày một kế hoạch tổng quan về các biện pháp nhằm giải quyết những thiếu sót, tồn đọng tại Cơ quan này trong thời gian tới. ■

(Theo Masslive và USAtoday)

Hãng kiểm toán EY vừa hoàn thành Báo cáo kiểm toán đối với Ủy ban Ngân sách lực lượng vũ trang Malaysia (LTAT) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và 31/12/2018, trong đó phát hiện hàng loạt các sai phạm tài chính và yếu kém trong công tác quản lý của LTAT.

Một trong những phát hiện kiểm toán là doanh thu của LTAT bị ảnh hưởng bởi việc thanh toán, chi trả cổ tức vượt hạn mức, ngay cả khi doanh thu tài sản từ năm 2014-2018 trên thực tế thấp hơn giá tỷ lệ cổ tức được khai báo.

Theo các kiểm toán viên, để quản lý được việc này, LTAT cần xây dựng một chính sách chi trả cổ tức hợp lý, trong đó có việc

MALAYSIA:

LTAT chi trả cổ tức vượt hạn mức, thiếu kiểm soát các quỹ đầu tư

xác định mức lợi nhuận tối thiểu trên các khoản đầu tư. Song song với đó, LTAT cũng cần xây dựng một khung phân bổ tài sản chiến lược nhằm đáp ứng mức giá cổ tức kỳ vọng tối thiểu.

Báo cáo cũng ghi nhận những khoản khai khống về tài sản quỹ trong giai đoạn 2015-2017, dẫn đến khoản thua lỗ 55 triệu Ringgit (khoảng 13 triệu USD). Các kiểm toán viên cho rằng, LTAT thiếu các chính sách và quy trình đầu tư hợp

lý, nhiều bất động sản vẫn chưa được bán dù đã được hoàn thiện từ lâu, thiếu các biện pháp kiểm soát đối với các quỹ đầu tư của đơn vị. Những vi phạm này xảy ra dưới thời lãnh đạo của Giám đốc Điều hành Kamaruddin.

Kết quả của cuộc kiểm toán đã làm rõ hơn một số vấn đề quan trọng cần phải được củng cố tại LTAT. Báo cáo khuyến nghị LTAT cần thực hiện những biện pháp quản lý chặt chẽ hơn

để cải thiện tình hình hiện nay.

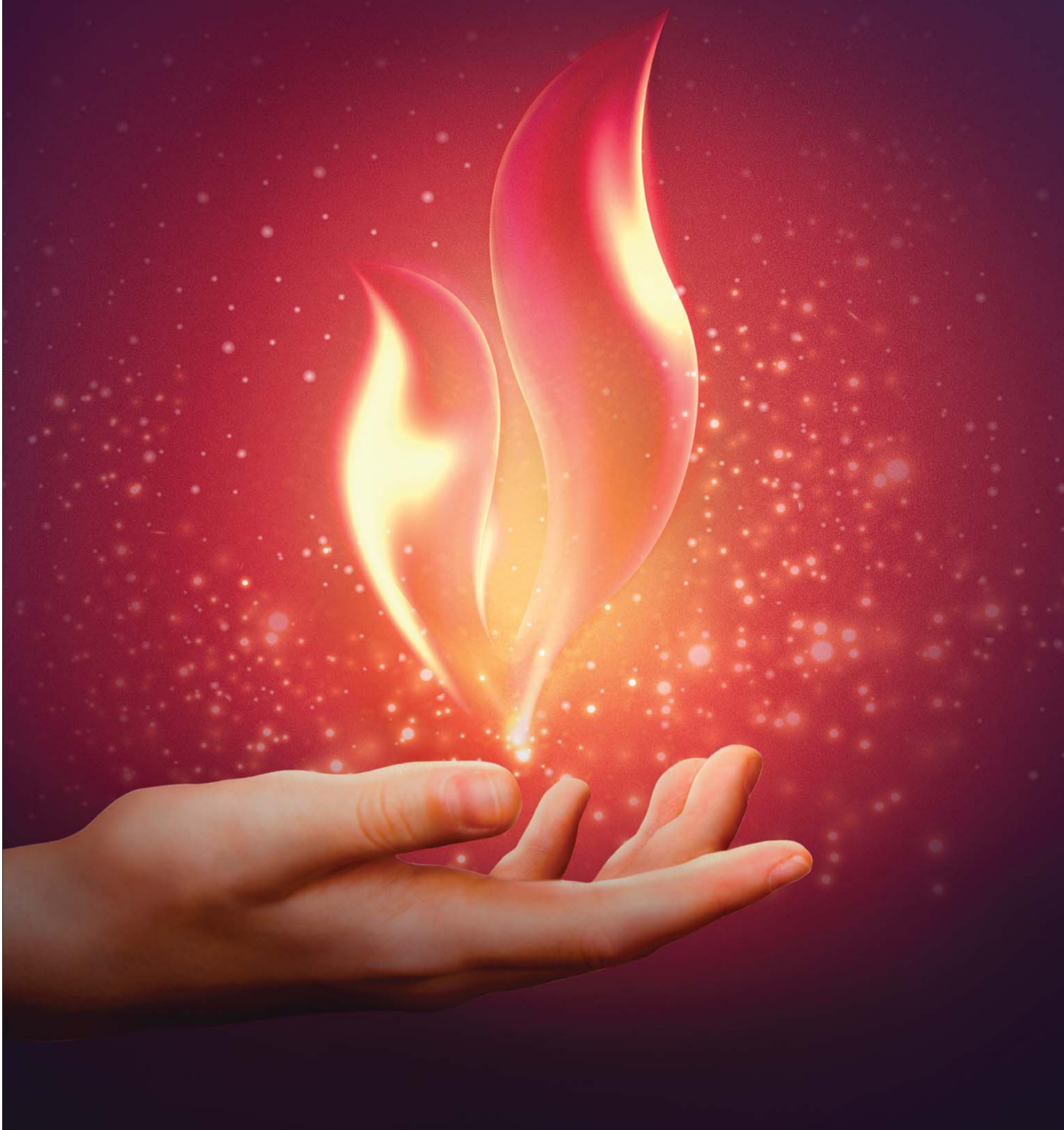
Phản hồi trước những chỉ trích liên quan, Chủ tịch LTAT - ông Mohd Zainuddin - cho biết: “LTAT cam kết sẽ thúc đẩy hơn nữa công tác quản trị DN và cải thiện sức khỏe tài chính của tổ chức. Bản đánh giá của EY giúp chúng tôi nhận thấy những lỗ hổng trong hoạt động của mình và sẽ nỗ lực khắc phục để phục vụ tốt hơn lợi ích của các cán bộ nghỉ hưu trong lực lượng vũ trang.”

LTAT là một cơ quan pháp lý quản lý quỹ lương hưu cho lực lượng vũ trang Malaysia, nằm dưới sự giám sát của Bộ Quốc phòng Malaysia. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Malaysia Mohamad Sabu cho biết, những sai phạm tài chính tại LTAT sẽ được trình lên Quốc hội và sẽ sớm được công khai tới người dân. ■

(Theo Malaymail và The Star)
NGỌC QUỲNH



TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM
FUELLING VALUES TO LIFE



Toà nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Phước Kiển, Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3781 6777 | Fax: (84-28) 3781 5666 | Email: pvgas@pvgas.com.vn | Website: <http://www.pvgas.com.vn>

KIỂM TOÁN
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Tổng biên tập: **ĐỖ HỒNG CÔNG**
Phó Tổng biên tập: **MAI HẢI ĐƯỜNG**

Trụ sở: 111 Trần Duy Hưng - Cầu Giấy - Hà Nội
Email: baokiemtoan@sav.gov.vn
Website: baokiemtoannhanuoc.vn, www.auditnews.vn
Điện thoại: Phòng Trị sự: (024) 6282 2100, Phòng Báo điện tử: 6276 7891
Phòng Thư ký toà soạn: 6282 2112, Phòng Phát hành - Quảng cáo: 6282 2201
Phòng Phóng viên: 6282 2202, Phòng Chuyên đề: 62822110; Fax: (024) 6282 2191

Tài khoản: Báo Kiểm toán - 2601 0000 056239
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội
Giấy phép hoạt động báo chí in: Số 806/GP-BTTTT ngày 14/5/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông
Chế bản vi tính tại Tòa soạn
In tại Công ty TNHH MTV in Quân đội 1

Giá: 5.800^d

Gần 65% trạm y tế xã đạt chuẩn

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, thời gian qua, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tăng cường đầu tư cho y tế cơ sở; trong đó, tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở, trang thiết bị cho các trạm y tế xã. Theo đó, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Y tế huy động các nguồn ODA, UBND các tỉnh ưu tiên nguồn lực từ ngân sách địa phương, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, các dự án ODA để đầu tư cho các trạm y tế xã vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn. Bộ Y tế đã xây dựng chương trình hành động, thực hiện xây dựng mô hình điểm 26 trạm y tế xã, phường, thị trấn để nhân rộng trong toàn quốc, làm cơ sở để các địa phương đầu tư các trạm y tế xã hoạt động theo nguyên lý y học gia đình.

Chính phủ cũng cho phép Bộ Y tế triển khai một số dự án ODA để hỗ trợ đầu tư cho các trạm y tế vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn như: Dự án Chăm sóc sức khỏe nhân dân các tỉnh Tây Nguyên giai đoạn 2 vay vốn Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) đầu tư xây mới, sửa chữa 58 trạm y tế cho 3 tỉnh: Gia Lai, Đắk Nông, Kon Tum; Dự án Hỗ trợ hệ thống y tế do Quỹ toàn cầu viện trợ không hoàn lại, đầu tư trang thiết bị cho các trạm y tế xã

Tăng cường nguồn lực đầu tư cho y tế cơ sở

□ Bài và ảnh: N. KIM

Một trong những nhiệm vụ Quốc hội giao Chính phủ tại Nghị quyết số 68/2013/QH13 về đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế (BHYT) toàn dân, là: “Đến năm 2020, hoàn thiện việc đầu tư trạm y tế xã ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”. Tuy nhiên, Chính phủ đánh giá, mục tiêu này sẽ khó hoàn thành do những khó khăn, vướng mắc về nguồn lực đầu tư.



Bộ trưởng Bộ Y tế Nguyễn Thị Kim Tiến kiểm tra hoạt động của trạm y tế tại xã Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội

15 tỉnh miền núi phía Bắc; Bộ Y tế đã dành một phần ngân sách của Chương trình Hỗ trợ ngân sách ngành do EU viện trợ không hoàn lại để xây mới, cải tạo, nâng cấp 395 trạm y tế xã... Nhiều địa phương cũng đã ưu tiên sử dụng ngân sách địa

phương, vận động hỗ trợ đầu tư cho các trạm y tế xã.

Tuy nhiên, theo thống kê hiện nay, cả nước mới có khoảng gần 65% số trạm y tế xã đạt Tiêu chuẩn quốc gia về y tế xã; ước tính còn khoảng 35% số trạm y tế xã cần phải đầu tư.

Ưu tiên ngân sách đầu tư cho các trạm y tế xã

Với khoảng 35% số trạm y tế xã cần đầu tư, nâng cấp còn lại, báo cáo Chính phủ cho biết, mục tiêu này hiện đang gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn tài chính. Hằng năm, Bộ Y tế đều xây dựng dự toán ngân sách T.Ư để hỗ trợ ngân sách địa phương đầu tư cho trạm y tế nhưng do ngân sách khó khăn nên không bố trí được nguồn vốn riêng để thực hiện. Theo báo cáo, nhiều tỉnh chỉ đầu tư được một số rất ít trạm y tế trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 của địa phương. Việc đầu tư cho các trạm y tế xã vẫn trông chờ vào các dự án ODA hoặc ngân sách T.Ư hỗ trợ. Trong khi đó, tiêu chí phân bổ ngân sách T.Ư hỗ trợ ngân sách địa phương để đầu tư giai đoạn 2016-2020 phải là các dự án nhóm B trở lên, có tính lan tỏa cao nên các dự án

đầu tư trạm y tế xã (nhóm C) hầu như không được bố trí từ nguồn vốn ngân sách T.Ư hỗ trợ ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn.

Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới, Chương trình Giảm nghèo bền vững cũng có nội dung đầu tư cho trạm y tế xã nhưng thực tế chỉ có rất ít trạm y tế xã được đưa vào kế hoạch đầu tư từ 2 chương trình này.

Từ thực tế đó, Chính phủ mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của Quốc hội để có thể hoàn thành mục tiêu đã đề ra. Theo đó, Chính phủ đề nghị Quốc hội đưa vào nội dung ưu tiên đầu tư cho các trạm y tế xã vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn vào Nghị quyết về kinh tế, xã hội, dự toán NSNN năm 2020, Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 để các tỉnh ưu tiên ngân sách địa phương, các nguồn tăng thu đầu tư cho các trạm y tế xã.

Xem xét, cân đối vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020 cho Chương trình Đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn vay vốn Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), cho Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB) để có thể thực hiện ngay trong năm 2020 và các năm tiếp theo.■

Điều trị rối loạn nhịp tim bằng công nghệ lập bản đồ giải phẫu điện học ba chiều

Ngay tại Hội thảo Cập nhật các kỹ thuật hiện đại trong điều trị rối loạn nhịp phức tạp bằng việc áp dụng công nghệ lập bản đồ giải phẫu điện học 3 chiều, do Trung tâm Tim mạch, Bệnh viện E tổ chức mới đây, dưới sự hỗ trợ của GS. Chen Ming Long - Bệnh viện tỉnh Giang Tô (Trung Quốc), các bác sĩ can thiệp rối loạn nhịp tim đến từ các Bệnh viện: E, Tim Hà Nội, Quân y 103... đã thực hiện thành công kỹ thuật phức tạp này đối với 4 bệnh nhân.

Theo ThS,BS. Vũ Văn Bạ - Khoa Nội tim mạch người lớn, Trung tâm Tim mạch, Bệnh viện E, rối loạn nhịp là bệnh có thể gặp ở cả người khỏe mạnh lẫn người đã từng mắc bệnh tim khác, trong đó,

rối loạn nhịp rung nhĩ có xu hướng mắc ngày càng cao, thường khiến tim đập không đều và nhanh. Ở những người mắc rung nhĩ, tâm nhĩ đập không đều, làm tăng nguy cơ hình thành cục máu đông. Theo Hiệp hội Tim mạch Mỹ, rung nhĩ làm tăng gấp 5 lần nguy cơ đột quỵ, cũng như làm tăng gấp đôi nguy cơ tử vong do các bệnh tim mạch khác. Theo khuyến cáo của Hội Tim mạch châu Âu năm 2019, điều trị các rối loạn nhịp nói chung và rung nhĩ nói riêng bằng phương pháp can thiệp triệt để là chỉ định hàng đầu hiện nay. Với việc sử dụng phương pháp điều trị hiện đại này, hiệu quả điều trị có thể đạt đến trên 90%, xử lý triệt để các bất thường nhịp tim, đặc biệt là giảm tỷ lệ suy tim, tai biến mạch máu não, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người bệnh.

TS,BS. Nguyễn Công Hựu - Phó Giám đốc Bệnh viện E - đánh giá, kỹ thuật mới này thực hiện rất khó. Vì vậy, với ca bệnh khó, các bác sĩ thực hiện đã nhận được sự hỗ trợ của các chuyên gia nước ngoài. Tới đây, Bệnh viện sẽ đưa kỹ thuật này trở thành thường quy để ngày càng



Ứng dụng thành công điều trị rối loạn nhịp tim bằng công nghệ lập bản đồ giải phẫu điện học ba chiều tại Trung tâm Tim mạch, Bệnh viện E

nhiều bệnh nhân được hưởng lợi thêm từ tiến bộ kỹ thuật này trong việc điều trị rối loạn nhịp.

Hằng năm, Trung tâm Tim mạch, Bệnh viện E đều có sự hợp tác với các chuyên gia nước ngoài: Nhật Bản, Mỹ, Trung Quốc, Đài Loan, Thái Lan... nhằm áp dụng các tiến bộ mới vào việc điều trị cho bệnh nhân mắc bệnh tim mạch. Thông qua các chương trình hợp tác này, các bác sĩ có cơ hội tiếp cận và triển khai được các kỹ thuật hiện đại để điều trị cho bệnh nhân rối loạn nhịp phức tạp một cách triệt để. Bên cạnh đó, việc trao đổi kiến thức, kỹ thuật mới nhằm nâng cao năng lực tay nghề cho các bác sĩ, giúp các bác sĩ ở các bệnh viện về học tập từng bước triển khai

được kỹ thuật này một cách thường quy và rộng rãi hơn. Ngoài ra, Trung tâm Tim mạch còn triển khai được nhiều kỹ thuật hiện đại khác như: can thiệp mạch vành, phẫu thuật tim mạch và can thiệp điều trị tim bẩm sinh... để xây dựng Trung tâm hoàn chỉnh, đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân.

Để có thể phát hiện sớm rối loạn nhịp, các bác sĩ khuyến cáo người dân cần kiểm tra sức khỏe định kỳ, ít nhất 6 tháng/lần để phát hiện nhịp đập bất thường về tần số, nhịp điệu... Đặc biệt, đối với những người trên 40 tuổi hoặc có nguy cơ tim mạch, người lớn trên 65 tuổi cần tầm soát bệnh tim mạch, trong đó, xét nghiệm đo điện tâm đồ sẽ giúp phát hiện rung nhĩ và rối loạn nhịp tim. Để phòng ngừa các bệnh tim mạch cũng như tình trạng rung nhĩ, người dân cần áp dụng lối sống điều độ, lành mạnh, thường xuyên tập thể dục, có chế độ ăn hợp lý, tránh béo phì, không uống rượu bia, không hút thuốc lá, tránh stress...■

Bài và ảnh: TIẾN HƯNG

Mỗi người sẽ có một mã định danh y tế duy nhất

Bộ Y tế vừa có Quyết định về việc ban hành Quy chế xác lập, sử dụng và quản lý mã định danh y tế. Theo đó, mã định danh y tế (viết tắt là ID) là nhóm dữ liệu được sử dụng để nhận biết một cá nhân tham gia dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Mỗi người dân sẽ có một mã định danh y tế duy nhất và tồn tại suốt đời.

Mã định danh y tế được xác lập tự động từ Hệ thống mã định danh của Bộ Y tế. Trên cơ sở mã số bảo hiểm xã hội và thông tin hành chính của người dân, Hệ thống mã định danh y tế của Bộ Y tế sẽ tự động xác lập ID của người dân.

Các cơ sở y tế trên toàn quốc kết nối với Hệ thống mã định danh y tế quốc gia để được cấp tự động ID của người bệnh. Trường hợp cơ sở y tế không kết nối với Hệ thống mã định danh y tế quốc gia, cán bộ y tế truy cập vào trang thông tin của Hệ thống mã định danh y tế quốc gia để tra cứu ID của người dân.■ **Đ. KHOA**

Cầu nối của người lao động với thị trường việc làm

Theo đại diện Tổng cục GDNN (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, LĐ-TB&XH), trong bối cảnh Nhà nước chú trọng đầu tư phát triển GDNN, hướng đến nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Tổng cục GDNN - đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước lĩnh vực này - đã và đang không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo và thu hút người học lựa chọn GDNN. Tuy nhiên, việc đảm bảo đầu ra cho người học nghề sau tốt nghiệp vẫn là vấn đề cần được đặt ra. Một trong những giải pháp được Tổng cục GDNN xác định là tăng cường kết nối cung - cầu lao động qua hệ thống TTDVVL.

Theo ông Lê Quang Trung - Phó Cục trưởng phụ trách Cục Việc làm (Bộ LĐ-TB&XH), năm 2018, các TTDVVL trên cả nước đã tổ chức hơn 1.200 phiên giao dịch việc làm, trực tiếp hỗ trợ, tư vấn việc làm cho gần 3 triệu lượt lao động, trong đó, lao động tốt nghiệp các trường nghề chiếm số lượng lớn. Tuy nhiên, theo ông Trung, sự kết nối giữa các cơ sở GDNN với các TTDVVL vẫn còn rất hạn chế; các bên vẫn chưa thực sự quan tâm phát huy vai trò của nhau cũng như chưa có giải pháp để thúc đẩy mối quan hệ phối hợp, chia sẻ, hướng đến mục tiêu chung là tăng cường cơ hội việc làm cho người lao động. Đặc biệt, trong bối cảnh nền kinh tế trong nước đang đứng trước nhiều thách

KẾT NỐI CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VỚI TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM:

Gia tăng cơ hội việc làm cho người lao động

□ Bài và ảnh: HẢI ĐĂNG

Cùng với những nỗ lực đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, một trong những giải pháp nhằm thực hiện cam kết việc làm cho người học nghề được ngành giáo dục nghề nghiệp (GDNN) đề ra là tăng cường mối liên hệ hợp tác, chia sẻ giữa trường nghề với các trung tâm dịch vụ việc làm (TTDVVL).



Việc kết nối giữa các cơ sở GDNN và TTDVVL sẽ góp phần gia tăng cơ hội việc làm cho người học nghề

thức, nhất là thách thức về nguồn lao động, mối liên hệ giữa các cơ sở GDNN và TTDVVL vì thế ngày càng quan trọng.

Theo Giám đốc Sở LĐ-TB&XH Hà Nội - ông Khuất Văn Thành, ngoài vai trò là cầu nối giữa người lao động và DN, các TTDVVL còn có chức năng tư vấn học nghề cho người lao động về lựa chọn nghề học, trình độ đào tạo, nơi học phù hợp với khả năng và nguyện vọng; tư vấn cho người lao động về lựa chọn

công việc phù hợp với khả năng và nguyện vọng... Tuy nhiên, các nhiệm vụ này của TTDVVL chưa thực sự được phát huy cũng như chưa được các cơ sở GDNN quan tâm, phối hợp.

Chuyển từ "kết nối" sang "cam kết"

Tại Hội thảo "Tăng cường kết nối các cơ sở GDNN với các trung tâm dịch vụ việc làm" do Tổng cục GDNN phối hợp tổ chức mới đây, nhiều chuyên gia

nhận định, vai trò kết nối giữa người lao động với thị trường việc làm, trong bối cảnh hiện nay là chưa đủ, chưa làm nổi bật được quan hệ giữa các cơ sở GDNN - nơi đào tạo người lao động - và các TTDVVL - cầu nối của người lao động với thị trường việc làm, DN. Do đó, nhiều ý kiến cho rằng cần chuyển từ vai trò "kết nối" sang "cam kết" trong việc đảm bảo đầu ra, việc làm cho người học nghề sau tốt nghiệp. "Cam kết là

chịu trách nhiệm mang tính pháp lý, vấn đề này được đưa vào văn bản chỉ đạo và hướng tới chuẩn hóa đề thi hành" - Phó Cục trưởng phụ trách Cục Việc làm Lê Quang Trung lưu ý.

Bà Nguyễn Thị Hằng - Chủ tịch Hiệp hội GDNN và Nghề công tác xã hội - cho rằng: Hiện nay, có tình trạng nơi thừa lao động, nơi thiếu lao động, thậm chí tình trạng này xảy ra trong nội bộ DN. Điều đó cho thấy trình độ lao động vẫn còn nhiều điều đáng bàn cũng như công tác dự báo, kết nối lao động, việc làm lâu nay vẫn chưa thực sự nhuần nhuyễn. Do đó, đã đến lúc, các bên cần phải nhận thức đúng và tạo sự gắn kết hơn nữa nhằm thúc đẩy sự phát triển của GDNN cũng như góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực với mục đích cuối cùng là giúp người học nghề sau tốt nghiệp có thể tìm kiếm được việc làm phù hợp.

Chung ý kiến, ông Nguyễn Trọng Độ - đại diện nhóm nghiên cứu của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) - cho rằng, vai trò tư vấn, hướng nghiệp cho người lao động rất quan trọng, đặc biệt là đối với người học nghề. Do đó, các TTDVVL cần tăng cường dự báo về thị trường việc làm, kịp thời cung cấp cho các cơ sở GDNN để thực hiện công tác đào tạo cho phù hợp. ■

Kỹ năng mềm là một trong những yếu tố mà các DN đặc biệt chú trọng trong quá trình tuyển dụng nguồn nhân lực. Nhận thấy vai trò quan trọng của kỹ năng mềm, ngành giáo dục nghề nghiệp (GDNN) chủ trương đẩy mạnh bồi dưỡng kỹ năng này cho sinh viên, bên cạnh kiến thức chuyên môn, với mong muốn giúp sinh viên tự tin hơn khi tìm kiếm công việc cũng như đáp ứng tốt hơn yêu cầu của DN.

Theo Tổng cục GDNN, đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên, học viên đã được nhiều trường nghề thực hiện trong thời gian gần đây. Tuy nhiên, việc định hướng cũng như lựa chọn kỹ năng để đưa vào giảng dạy, học tập của cả thầy và trò còn lúng túng và mới dừng lại ở một vài kỹ năng đơn giản; đội ngũ giáo viên trường nghề chưa thực sự làm quen với việc lồng ghép giảng dạy kỹ năng mềm với kỹ năng nghề...

Do đó, hướng tới đào tạo kỹ năng mềm cho học sinh, sinh viên tại các cơ sở GDNN, Tổng cục GDNN đã thí điểm đưa chương trình giảng dạy các kỹ năng mềm trong GDNN vào Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội và Trường Cao đẳng Xây dựng công trình đô thị Hà Nội. Chương trình được đánh giá là có ý nghĩa thiết thực, cung cấp các kiến thức và kỹ năng cần thiết để giúp học viên thích ứng được với môi trường học nghề, đồng thời chuẩn bị tâm thế sẵn sàng bước vào thị

Trường nghề chú trọng đào tạo kỹ năng mềm cho người học



Kỹ năng mềm sẽ giúp người học nghề thích ứng tốt với công việc

trường lao động. Bà Phạm Thị Hương - Phó Hiệu trưởng phụ trách Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội - cho biết, việc thực hiện thí điểm chương trình đào tạo các kỹ năng mềm đã đạt được nhiều kết quả khả quan; các học viên tham gia chương trình đã nhận được phản hồi tích cực từ phía DN.

Dù không nằm trong số các trường được áp dụng thí điểm chương trình đào

tạo kỹ năng mềm nhưng vài năm gần đây, Trường Cao đẳng Điện tử điện lạnh Hà Nội rất chú trọng đưa các kỹ năng mềm vào giảng dạy cho sinh viên, học viên. Bà Nguyễn Hằng Nga - Trưởng phòng Đào tạo của Trường - cho biết, các kỹ năng cơ bản như: làm việc nhóm, lắng nghe, phân tích... tương tự đơn giản, nhưng nhiều sinh viên, học viên rất lúng túng khi vận dụng trong thực tế.

Bằng nhiều hình thức khác nhau, Nhà trường đã thực hiện lồng ghép, đưa các kỹ năng này vào trong các giờ học chính khóa cũng như ngoài giờ để học viên có thể đón nhận một cách tự nhiên, hiệu quả nhất.

Theo Phó Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN Đỗ Năng Khánh, ở các nước phát triển, kỹ năng mềm được coi là chương trình cơ bản, mang tính bắt buộc. Đây là yếu tố quan trọng góp phần tạo nên sự thành công cho người lao động, nhất là khi chúng ta đã hội nhập và đang tiếp cận với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Do đó, tới đây, Tổng cục GDNN sẽ đưa các kỹ năng mềm vào chương trình chính khóa của tất cả các cơ sở GDNN.

Để thực hiện nhiệm vụ này, từ năm 2018 đến nay, Tổng cục GDNN đã phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ năng mềm cho gần 200 giáo viên, cán bộ quản lý, cán bộ công tác học sinh, sinh viên các trường cao đẳng, trung cấp. Đến nay, Tổng cục đã tổ chức đào tạo kỹ năng mềm cho trên 1.000 giáo viên, người làm công tác GDNN. "Công tác này sẽ được Tổng cục tiếp tục đẩy mạnh, bởi giáo viên, cán bộ quản lý, cán bộ công tác học sinh, sinh viên các trường chính là những hạt nhân góp phần lan tỏa những kỹ năng mềm cho người học" - ông Khánh cho biết. ■

Bài và ảnh: NGUYỄN TAM